

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
MÔN LỊCH SỬ

(Dự thảo ngày 19 tháng 01 năm 2018)

Hà Nội, tháng 01 năm 2018

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC.....	3
II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH.....	3
III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH.....	6
IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.....	6
V. NỘI DUNG GIÁO DỤC.....	8
LỚP 10.....	11
LỚP 11.....	29
LỚP 12.....	45
VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC.....	67
VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC.....	69
VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	70
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH.....	74

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Lịch sử là môn học lựa chọn trong nhóm môn Khoa học xã hội, được tổ chức dạy và học ở cấp trung học phổ thông.

Môn Lịch sử có sứ mệnh giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực sử học, thành phần của năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội thông qua hệ thống các chủ đề và chuyên đề về lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử Việt Nam, góp phần vào việc xây dựng những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Với đặc trưng riêng của môn học, môn Lịch sử giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc, truyền thống lịch sử và văn hoá dân tộc, góp phần giúp học sinh nhận thức sâu sắc và vận dụng được các bài học lịch sử vào việc giải quyết những vấn đề của thực tế cuộc sống, phát triển tầm nhìn, củng cố các giá trị nhân văn, tinh thần cộng đồng, lòng khoan dung, nhân ái và hình thành những phẩm chất của công dân Việt Nam, công dân toàn cầu trong xu thế phát triển của thời đại.

Môn Lịch sử góp phần quan trọng trong việc giúp học sinh hình thành và phát triển tư duy lịch sử, tư duy hệ thống, tư duy phản biện; giúp học sinh làm chủ kỹ năng khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu, nhận thức và trình bày lịch sử trong logic lịch đại và đồng đại, kết nối quá khứ với hiện tại.

Môn Lịch sử giúp học sinh nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của Sử học trong đời sống xã hội hiện đại. Hiểu biết và có tình yêu đối với lịch sử, văn hoá dân tộc và nhân loại sẽ góp phần quan trọng trong việc định hướng học sinh lựa chọn những nghề nghiệp như: nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, ngoại giao, quản lý, lãnh đạo, hoạt động du lịch, văn hoá, thông tin truyền thông...

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình môn Lịch sử quán triệt đầy đủ quan điểm, mục tiêu, định hướng chung về xây dựng và phát triển Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, đặc biệt là quan điểm phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh. Xuất phát từ đặc trưng của môn học, Chương trình môn Lịch sử nhấn mạnh một số quan điểm xây dựng chương trình sau đây:

1. Khoa học, hiện đại

Chương trình môn Lịch sử giúp học sinh tiếp cận lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử dân tộc một cách khoa học trên cơ sở vận dụng những thành tựu hiện đại của khoa học lịch sử và khoa học giáo dục. Thứ nhất, Chương trình quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Thứ hai, Chương trình coi trọng những nguyên tắc nền tảng của khoa học lịch sử, đảm bảo tôn trọng sự thật lịch sử, tính đa diện, phong phú của lịch sử; khách quan, toàn diện trong trình bày và diễn giải lịch sử. Thứ ba, Chương trình hướng tới việc hướng dẫn và khuyến khích học sinh tự tìm hiểu, khám phá lịch sử theo những nguyên tắc của khoa học lịch sử, thông qua đó giúp học sinh phát triển tư duy lịch sử và tư duy phản biện. Thứ tư, Chương trình góp phần xây dựng năng lực phân tích, đánh giá các nhân vật, sự kiện, quá trình lịch sử một cách khoa học, giúp học sinh nhận thức được những quy luật, bài học lịch sử và vận dụng vào thực tiễn.

2. Hệ thống, cơ bản

Trục phát triển chính của chương trình môn Lịch sử là hệ thống các chủ đề và chuyên đề về những vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử Việt Nam, nhằm mục tiêu nâng cao và mở rộng kiến thức thông sử mà học sinh đã được học ở cấp trung học cơ sở. Thứ nhất, Chương trình chọn lọc các chủ đề và chuyên đề lịch sử mang tính hệ thống, cơ bản, xuất phát từ yêu cầu phát triển năng lực và giáo dục lịch sử đối với từng lớp học. Thứ hai, tính hệ thống của Chương trình được biểu hiện qua mối liên hệ logic giữa các hợp phần kiến thức (trong mối liên hệ lịch đại và đồng đại, sự tương tác giữa lịch sử Việt Nam với lịch sử khu vực và lịch sử thế giới, mối quan hệ nhân – quả trong lịch sử, sự tiếp nối và thay đổi của tiến trình lịch sử,...). Thứ ba, Chương trình đảm bảo cho học sinh tiếp cận những tri thức lịch sử cơ bản trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tư tưởng; giúp học sinh xây dựng năng lực tự học lịch sử suốt đời và khả năng ứng dụng vào cuộc sống những hiểu biết về lịch sử, văn hoá, xã hội thế giới, khu vực và Việt Nam.

3. Thực hành, thực tiễn

Chương trình đặc biệt coi trọng nội dung thực hành lịch sử, kết nối lịch sử với thực tiễn cuộc sống. Thứ nhất, Chương trình coi thực hành là một nội dung quan trọng của môn Lịch sử và là công cụ thiết thực, hiệu quả để phát triển năng lực học sinh. Thứ hai, Chương trình tăng cường phần thực hành cả về thời lượng lẫn các hình thức thực hành; đa dạng hoá các loại hình bài thực hành để học sinh được hoạt động trải nghiệm thông qua các hình thức tổ chức giáo dục như: hoạt động nhóm/cá nhân tự học, học trên lớp/ở bảo tàng, đi thực địa, học qua dự án, di sản,... nhằm mục tiêu phát triển các năng lực

chuyên môn của môn Lịch sử. Thứ ba, Chương trình mang tính thiết thực và phù hợp với thực tiễn, với điều kiện kinh tế – xã hội của đất nước và của các địa phương, với khả năng của giáo viên, học sinh và thực tiễn giáo dục ở các vùng miền trong cả nước. Thông qua hệ thống chủ đề và chuyên đề học tập, các hình thức tổ chức giáo dục, chương trình tạo ra độ mềm dẻo, linh hoạt để có thể điều chỉnh phù hợp với các địa phương và với các nhóm đối tượng học sinh khác nhau, song vẫn đảm bảo trình độ chung của giáo dục phổ thông trong cả nước, tương thích với trình độ khu vực và thế giới.

4. Dân tộc, nhân văn

Chương trình môn Lịch sử hướng học sinh tới nhận thức đúng về những giá trị truyền thống của dân tộc, giúp học sinh hình thành, phát triển những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam và những giá trị phổ quát của công dân toàn cầu. Thứ nhất, Chương trình giúp học sinh có nhận thức đúng về chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính, tiến bộ của dân tộc Việt Nam, về vị thế của quốc gia – dân tộc trong khu vực và trên thế giới trong các thời kì lịch sử, hướng tới xây dựng lòng tự hào dân tộc chân chính, nhận thức được thế mạnh và cả những hạn chế trong di sản lịch sử của dân tộc. Thứ hai, Chương trình giúp học sinh hình thành, phát triển các giá trị nhân văn, tinh thần cộng đồng, loại bỏ các định kiến, kì thị về xã hội, văn hoá, sắc tộc, tôn giáo, hướng tới các giá trị khoan dung, nhân ái, tôn trọng sự khác biệt, hoà giải, hoà hợp và hợp tác. Thứ ba, Chương trình đảm bảo giúp học sinh có thái độ đúng đắn, tích cực đối với các vấn đề bảo vệ tài nguyên, thiên nhiên, môi trường, hướng tới phát triển bền vững; đấu tranh vì xã hội tiến bộ, minh bạch, công bằng, văn minh; đảm bảo sự bình đẳng giữa các dân tộc, các cộng đồng người, các giới và nhóm xã hội.

5. Mở, liên thông

Thứ nhất, cấu trúc tri thức và kĩ năng của Chương trình đảm bảo tính mở, tạo điều kiện để học sinh có thể kết nối, liên thông với cấu trúc kiến thức, kĩ năng của các môn học khác, như: Địa lí, Ngữ văn, Giáo dục công dân, Giáo dục quốc phòng – an ninh,... Chương trình hướng tới sự kết hợp giáo dục lịch sử giữa nhà trường với gia đình và xã hội; chú trọng việc phát hiện những yếu tố cần bổ sung, điều chỉnh để hoàn thiện và phát triển Chương trình. Chương trình dành quyền chủ động cho địa phương và nhà trường trong việc lựa chọn kế hoạch giáo dục môn Lịch sử phù hợp với điều kiện của các địa phương, dành không gian sáng tạo cho giáo viên nhằm thực hiện chủ trương “một chương trình, nhiều bộ sách giáo khoa”. Thứ hai, cấu trúc Chương trình đảm bảo nguyên tắc cơ bản: tích hợp ở tiểu học, trung học cơ sở, phân hoá ở trung học phổ thông; đảm bảo sự kết nối chặt chẽ giữa các cấp học, giữa các lớp học trong từng cấp học và liên thông với chương trình giáo dục đại học.

III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung của giáo dục Lịch sử phổ thông

Mục tiêu chung của giáo dục Lịch sử phổ thông nhằm cụ thể hoá mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực sử học thông qua nội dung kiến thức phổ thông nền tảng về lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử Việt Nam. Thông qua kiến thức và những bài học từ lịch sử, Chương trình góp phần hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, có ý thức trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và đất nước. Chương trình góp phần truyền cảm hứng cho học sinh khám phá lịch sử đất nước, lịch sử khu vực và thế giới, giúp học sinh có khả năng và ý thức tự học lịch sử suốt đời, đồng thời có những hiểu biết cơ bản về đặc điểm, vai trò của khoa học lịch sử theo định hướng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể.

2. Mục tiêu của môn Lịch sử cấp trung học phổ thông

Chương trình môn Lịch sử ở cấp trung học phổ thông hướng tới các mục tiêu: Thứ nhất, giúp học sinh phát triển năng lực sử học (năng lực nhận diện và sử dụng tư liệu lịch sử; năng lực tái hiện và trình bày lịch sử; năng lực giải thích lịch sử; năng lực đánh giá lịch sử; năng lực vận dụng bài học lịch sử vào thực tiễn) đã được hình thành ở cấp trung học cơ sở thông qua nội dung kiến thức cơ bản và nâng cao về lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á, lịch sử dân tộc Việt Nam. Thứ hai, trên nền tảng đó, môn Lịch sử hướng tới mục tiêu giáo dục nhân cách, tinh thần dân tộc, lòng yêu nước, các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại để hình thành phẩm chất công dân Việt Nam, công dân toàn cầu phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Thứ ba, giúp học sinh tiếp cận và nhận thức rõ vai trò, đặc điểm của khoa học Lịch sử cũng như sự kết nối giữa Sử học với các lĩnh vực khoa học và ngành nghề khác, tạo cơ sở để học sinh lựa chọn định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Chương trình môn Lịch sử góp phần hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Thông qua nội dung giáo dục lịch sử, Chương trình chú trọng giáo dục lòng yêu nước, tinh thần dân tộc chân chính, niềm tự hào về truyền thống lịch sử của quê hương, đất nước;

phát triển các giá trị nhân văn, nhân ái, trung thực; tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chương trình góp phần hình thành và phát triển cho học sinh những năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể.

Chương trình môn Lịch sử giúp học sinh tiếp tục phát triển năng lực sử học, thành phần của năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội, đã được hình thành ở cấp trung học cơ sở như: năng lực nhận diện và sử dụng tư liệu lịch sử; năng lực tái hiện và trình bày lịch sử; năng lực giải thích lịch sử; năng lực đánh giá lịch sử; năng lực vận dụng bài học lịch sử vào thực tiễn trên cơ sở nắm vững hệ thống kiến thức cơ bản và nâng cao về lịch sử thế giới, khu vực và Việt Nam thông qua hệ thống chủ đề về lịch sử chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, văn minh.

Biểu hiện của năng lực sử học

TT	Năng lực thành phần	Biểu hiện
1	Năng lực nhận diện và sử dụng tư liệu lịch sử	Thể hiện qua việc: nhận biết và phân biệt được các loại hình tư liệu lịch sử (văn bản chữ viết, hiện vật lịch sử, tranh ảnh, biểu đồ, bản đồ...), hiểu được nội dung, khai thác và sử dụng được tư liệu lịch sử trong quá trình học tập.
2	Năng lực tái hiện và trình bày lịch sử	Thể hiện qua việc sử dụng tư liệu lịch sử, mô tả, trình bày (nói hoặc viết) diễn trình của các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử từ đơn giản đến phức tạp; xác định được các sự kiện lịch sử trong không gian và thời gian cụ thể.
3	Năng lực giải thích lịch sử	Thể hiện qua việc giải thích được nguồn gốc, sự vận động và phát triển của các sự kiện lịch sử từ đơn giản đến phức tạp; chỉ ra được quá trình phát triển của lịch sử theo lịch đại và đồng đại; so sánh sự tương đồng và khác biệt giữa các sự kiện lịch sử, lí giải được mối quan hệ nhân quả trong tiến trình lịch sử.
4	Năng lực đánh giá lịch sử	Thể hiện qua việc đưa ra những ý kiến nhận xét, đánh giá của cá nhân về các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử trên cơ sở nhận thức và tư duy lịch sử; hiểu được sự tiếp nối và thay đổi của lịch sử; biết suy nghĩ theo những chiều hướng khác nhau khi xem xét, đánh giá, hay đi tìm câu trả lời về một sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử.

TT	Năng lực thành phần	Biểu hiện
5	Năng lực vận dụng bài học lịch sử vào thực tiễn	Thể hiện qua khả năng kết nối quá khứ lịch sử với hiện tại, vận dụng kiến thức lịch sử để lí giải những vấn đề của thực tiễn cuộc sống. Trên nền tảng đó, học sinh có khả năng tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử, xã hội, phát triển năng lực sáng tạo, có khả năng tiếp cận và xử lí thông tin từ những nguồn khác nhau, có ý thức và năng lực tự học lịch sử suốt đời.

V. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

1.1. Nội dung cốt lõi

Mạch nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
CHỦ ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP – Lịch sử và Sử học – Vai trò của Sử học	.		
LỊCH SỬ THẾ GIỚI – Lịch sử văn minh thế giới – Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản – Chủ nghĩa xã hội từ 1917 đến nay – Thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh – Nước Mỹ từ năm 1945 đến nay – Trung Quốc từ năm 1949 đến nay	.	.	.

Mạch nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
LỊCH SỬ ĐÔNG NAM Á – Lịch sử văn minh Đông Nam Á – Quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á – ASEAN: Những chặng đường lịch sử – Biển Đông: Lịch sử và hiện tại
LỊCH SỬ VIỆT NAM – Lịch sử văn minh Việt Nam – Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945) – Cộng đồng các dân tộc Việt Nam: Lịch sử và hiện tại – Làng xã Việt Nam: Truyền thống và hiện đại – Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945) – Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam – Quan hệ đối ngoại Việt Nam: Lịch sử và hiện tại – Hồ Chí Minh: Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn

1.2. Chuyên đề học tập

a) Mục tiêu

Bên cạnh nội dung giáo dục cốt lõi, trong mỗi năm học, những học sinh có thiên hướng khoa học xã hội và nhân văn được chọn học một số chuyên đề. Mục tiêu của các chuyên đề này là:

- + Mở rộng, nâng cao kiến thức và năng lực sử học đáp ứng yêu cầu phân hoá sâu ở cấp trung học phổ thông.
- + Giúp học sinh hiểu sâu hơn vai trò của sử học trong đời sống thực tế, những ngành nghề có liên quan đến lịch sử để học sinh có cơ sở định hướng nghề nghiệp sau này cũng như có đủ năng lực cơ bản để giải quyết những vấn đề có liên quan đến lịch sử và tiếp tục tự học lịch sử suốt đời.
- + Tăng cường hoạt động trải nghiệm thực tế, giúp học sinh phát triển tình yêu, sự say mê, ham thích tìm hiểu lịch sử dân tộc Việt Nam, lịch sử thế giới.

b) Nội dung chuyên đề

Mạch nội dung	Lớp		
	10	11	12
CHUYÊN ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP – Các lĩnh vực của Sử học	.		
CHUYÊN ĐỀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ – Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam – Tìm hiểu nghệ thuật truyền thống Việt Nam – Tìm hiểu tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	.	.	.
CHUYÊN ĐỀ NÂNG CAO KIẾN THỨC – Nhật Bản: Hành trình lịch sử từ năm 1868 đến nay – Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX – Nhân tài trong lịch sử Việt Nam – Tìm hiểu Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử – Toàn cầu hoá, khu vực hoá và sự hội nhập của Việt Nam	.	.	.

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp

LỚP 10

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC	
<p>Lịch sử hiện thực và nhận thức lịch sử</p> <p><i>(1) Lịch sử là gì?</i></p> <ul style="list-style-type: none">– Khái niệm lịch sử– Lịch sử hiện thực– Lịch sử được con người nhận thức <p><i>(2) Sử học và đối tượng của sử học</i></p> <ul style="list-style-type: none">– Sử học là gì?– Đối tượng nghiên cứu của sử học <p><i>(3) Một số khái niệm cơ bản của sử học</i></p> <ul style="list-style-type: none">– Khái quát về sử liệu– Khái niệm liên quan đến thời gian và phân kì lịch sử, không gian lịch sử– Khái niệm liên quan đến mô tả, trình bày lịch sử– Khái niệm liên quan đến nghiên cứu và trình bày vấn đề lịch sử <p><i>(4) Nguyên tắc của sử học</i></p> <ul style="list-style-type: none">– Khách quan, trung thực– Toàn diện, lịch sử, cụ thể	<ul style="list-style-type: none">– Phân biệt được lịch sử hiện thực và lịch sử được con người nhận thức thông qua ví dụ cụ thể.– Giải thích được khái niệm sử học.– Chỉ ra được đối tượng nghiên cứu của sử học thông qua ví dụ cụ thể.– Giải thích được các khái niệm: sử liệu, phân kì lịch sử, không gian lịch sử, trình bày, mô tả lịch sử thông qua ví dụ cụ thể.– Chỉ ra được các nguyên tắc của sử học thông qua ví dụ cụ thể.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Nhân văn, tiến bộ, hoà giải, hoà bình <i>(5) Phương pháp cơ bản của sử học</i> – Phương pháp lịch sử – Phương pháp logic – Phương pháp tiếp cận liên ngành 	<ul style="list-style-type: none"> – Bước đầu vận dụng được một số phương pháp cơ bản của sử học thông qua các bài tập cụ thể.
<p>Tri thức lịch sử và cuộc sống</p> <p><i>(1) Vai trò, ý nghĩa của tri thức lịch sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhu cầu nhận thức về cội nguồn, về bản sắc văn hoá của con người trong mọi thời đại – Đúc rút và vận dụng kinh nghiệm trong thực tế cuộc sống – Dự báo về tương lai <p><i>(2) Tri thức lịch sử và kí ức lịch sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm tri thức lịch sử, kí ức lịch sử – Mối quan hệ giữa tri thức và kí ức lịch sử <p><i>(3) Học tập và khám phá lịch sử suốt đời như thế nào?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nuôi dưỡng sự say mê, yêu thích đối với lịch sử và văn hoá của dân tộc Việt Nam và của nhân loại – Tự mình thu thập thông tin, sử liệu, làm giàu có vốn tri thức lịch sử – Biết vận dụng tri thức, kinh nghiệm lịch sử vào cuộc sống 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được vai trò và ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với đời sống của cá nhân và xã hội hiện đại. – Phân biệt được sự khác nhau giữa tri thức lịch sử và kí ức lịch sử thông qua ví dụ cụ thể. – Chỉ ra được mối quan hệ giữa tri thức lịch sử và kí ức lịch sử. – Giải thích được sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời. – Biết cách thu thập thông tin, sử liệu để học tập lịch sử. – Quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hoá của dân tộc Việt Nam và thế giới.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC	
<p>Sử học với các lĩnh vực khoa học khác</p> <p><i>(1) Sử học với các ngành khoa học xã hội và nhân văn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Sử học – môn khoa học liên ngành – Sử học có mối liên hệ mật thiết, cung cấp thông tin, bối cảnh lịch sử cho các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác. – Các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác hỗ trợ công tác nghiên cứu lịch sử. <p><i>(2) Sử học với các môn khoa học tự nhiên và công nghệ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Các môn khoa học tự nhiên và công nghệ cung cấp tri thức và phương pháp giúp cho sử học. – Sử học mang lại cho các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ tri thức và cách tiếp cận lịch sử. 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được mối liên hệ giữa sử học với các lĩnh vực và các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác như: địa lí, văn học, nghệ thuật,... – Giải thích được mối liên hệ, sự hỗ trợ lẫn nhau giữa sử học với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.
<p>Sử học với một số lĩnh vực, ngành nghề hiện đại</p> <p><i>(1) Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Mối quan hệ giữa bảo tồn với phát triển bền vững – Mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá – Vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và thiên nhiên 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên. – Vận động các bạn cùng tham gia bảo vệ các di sản văn hoá, di sản thiên nhiên ở địa phương.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>(2) Sử học với sự phát triển công nghiệp văn hoá</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Vai trò của sử học với sự phát triển công nghiệp văn hoá – Sự phát triển của các ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hoá góp phần quảng bá cho truyền thống lịch sử và giá trị văn hoá của dân tộc; hiểu biết lịch sử và văn hoá nhân loại. <p><i>(3) Sử học với phát triển du lịch</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch – Du lịch mang lại nguồn lực hỗ trợ cho việc bảo tồn di tích lịch sử và di sản văn hoá 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được mối quan hệ qua lại giữa lịch sử, văn hoá và một số ngành, nghề trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá. – Đánh giá được vai trò của lịch sử đối với sự phát triển của các ngành, nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hoá. – Giải thích được vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch.
LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI	
<p>Điểm lại tiến trình lịch sử thế giới</p> <p><i>(1) Từ thời nguyên thủy đến thời cổ đại và trung đại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Điểm lại các thời kì lịch sử từ thời nguyên thủy đến thời cổ đại và trung đại <p><i>(2) Thời cận đại, hiện đại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Điểm lại những mốc phát triển chính của lịch sử thế giới thời cận đại. – Điểm lại những mốc phát triển chính của lịch sử thế giới thời hiện đại 	<ul style="list-style-type: none"> – Chỉ ra được các mốc phát triển của lịch sử thế giới từ thời nguyên thủy đến thời cổ đại và trung đại trên trục thời gian. – Giải thích được cách phân kì lịch sử chỉ mang ý nghĩa khái quát trong tiến trình lịch sử thế giới. – Chỉ ra được những mốc chính trong lịch sử thế giới thời cận đại trên trục thời gian. – Xác định được những mốc phát triển chính của lịch sử thế giới thời hiện đại trên trục thời gian.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Khái niệm lịch sử văn minh thế giới</p> <p><i>(1) Khái niệm văn minh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm văn minh, văn hoá – Phân biệt văn minh và văn hoá <p><i>(2) Lịch sử văn minh thế giới</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm lịch sử văn minh thế giới – Khái quát tiến trình phát triển lịch sử văn minh thế giới 	<ul style="list-style-type: none"> – Bước đầu phân biệt được ở mức cơ bản khái niệm văn minh, văn hoá. – Giải thích được khái niệm lịch sử văn minh thế giới. – Phân tích được sự phát triển của các nền văn minh trên thế giới theo tiến trình lịch sử trên trục thời gian. – Trân trọng và góp phần bảo tồn những thành tựu của văn minh thế giới.
<p>Các nền văn minh thời cổ trung đại phương Đông</p> <p><i>(1) Văn minh cổ đại phương Đông</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở hình thành – Những thành tựu cơ bản <p><i>(2) Văn minh Ai Cập cổ đại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở hình thành – Những thành tựu cơ bản <p><i>(3) Văn minh Trung Hoa cổ trung đại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở hình thành – Những thành tựu cơ bản 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh cổ đại phương Đông. – Giải thích được cơ sở hình thành văn minh cổ đại phương Đông. – Phân tích được cơ sở hình thành nền văn minh Ai Cập cổ đại. – Đánh giá được ý nghĩa của những thành tựu chính của văn minh Ai Cập cổ trung đại. – Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Trung Hoa cổ trung đại. – Đánh giá được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của văn minh Trung Hoa cổ trung đại.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>(4) Văn minh Ấn Độ cổ trung đại</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở hình thành – Những thành tựu cơ bản 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Ấn Độ cổ trung đại. – Đánh giá được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của văn minh Ấn Độ
<p>Các nền văn minh thời cổ trung đại phương Tây</p> <p>(1) Văn minh Hy Lạp – La Mã</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở hình thành – Những thành tựu cơ bản <p>(2) Văn minh châu Âu thời trung đại</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở hình thành – Những thành tựu cơ bản 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh thời cổ trung đại phương Tây. – Nhận xét được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của văn minh Hy Lạp – La Mã. – Phân tích được những thành tựu cơ bản của văn minh châu Âu thời trung đại. – Đánh giá được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của văn minh châu Âu thời trung đại.
<p>Văn minh thế giới thời cận đại</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở hình thành – Những thành tựu cơ bản 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm, sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh thế giới thời cận đại. – Chỉ ra được những thành tựu cơ bản của văn minh thế giới thời cận đại. – Đánh giá được ý nghĩa của những thành tựu chính của văn minh thế giới thời cận đại.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Văn minh thế giới thế kỉ XX – đầu thế kỉ XXI</p> <p><i>(1) Văn minh thế giới nửa đầu thế kỉ XX (trước năm 1945)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở hình thành – Những thành tựu cơ bản <p><i>(2) Văn minh thế giới nửa sau thế kỉ XX (từ sau năm 1945)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở hình thành – Những thành tựu cơ bản <p><i>(3) Văn minh thế giới hai thập niên đầu thế kỉ XXI</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở hình thành – Những thành tựu cơ bản 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các thành tựu nổi bật của văn minh thế giới thế kỉ XX – đầu thế kỉ XXI. – Phân tích được cơ sở hình thành và những thành tựu cơ bản của văn minh thế giới nửa đầu thế kỉ XX. – Đánh giá được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của văn minh thế giới nửa đầu thế kỉ XX. – Phân tích được cơ sở hình thành và ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của văn minh thế giới nửa sau thế kỉ XX. – Đánh giá được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của văn minh thế giới nửa sau thế kỉ XX. – Phân tích được cơ sở hình thành những thành tựu cơ bản của văn minh thế giới hai thập niên đầu thế kỉ XXI. – Đánh giá được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của văn minh thế giới hai thập niên đầu thế kỉ XXI. – Biết trân trọng và tham gia bảo tồn những giá trị tinh thần và vật chất của văn minh nhân loại.
LỊCH SỬ VĂN MINH ĐÔNG NAM Á	
<p>Điểm lại những chặng đường lịch sử Đông Nam Á</p> <p><i>(1) Đông Nam Á từ thời nguyên thủy đến thế kỉ XV</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái quát về Đông Nam Á 	<ul style="list-style-type: none"> – Sưu tầm và sử dụng được một số tư liệu để tìm hiểu về lịch sử Đông Nam Á.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>– Các thời kì phát triển chính của Đông Nam Á từ thời nguyên thủy đến thế kỉ XV</p> <p><i>(2) Đông Nam Á từ thế kỉ XVI đến nay</i></p> <p>– Các thời kì phát triển chính của Đông Nam Á từ thế kỉ XVI đến nay</p>	<p>– Xác định được vị trí của các quốc gia ở Đông Nam Á trên bản đồ.</p> <p>– Chỉ ra được các mốc phát triển chính của Đông Nam Á từ thời nguyên thủy đến thế kỉ XV trên trục thời gian.</p> <p>– Chỉ ra được các mốc phát triển chính của Đông Nam Á từ thế kỉ XVI đến nay trên trục thời gian.</p>
<p>Hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á</p> <p><i>(1) Cơ sở hình thành văn minh Đông Nam Á</i></p> <p>– Cơ sở tự nhiên: Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên</p> <p>– Cơ sở xã hội: Cư dân, tộc người</p> <p><i>(2) Hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á</i></p> <p>– Các thời kì phát triển của văn minh Đông Nam Á</p>	<p>– Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Đông Nam Á.</p> <p>– Chỉ ra được quá trình phát triển của văn minh Đông Nam Á trên trục thời gian.</p>
<p>Văn minh Đông Nam Á: thống nhất trong đa dạng</p> <p><i>(1) Nét nổi bật của văn minh Đông Nam Á</i></p> <p>– Nông nghiệp – nền tảng văn minh Đông Nam Á</p> <p>– Sự thống nhất trong đa dạng: chủng tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, ngôn ngữ, phong tục tập quán...</p> <p><i>(2) Một số lĩnh vực tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á</i></p> <p>– Tín ngưỡng và tôn giáo</p> <p>– Văn tự và văn học</p>	<p>– Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về lịch sử văn minh Đông Nam Á.</p> <p>– Chỉ ra được được sự thống nhất trong đa dạng của văn minh Đông Nam Á thông qua một số ví dụ cụ thể.</p> <p>– Trình bày được một số lĩnh vực tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á.</p> <p>– Giải thích được giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á, biết trân trọng và tham gia bảo tồn các</p>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Kiến trúc và điêu khắc	di sản văn minh Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng.
LỊCH SỬ VĂN MINH VIỆT NAM	
<p>Điểm lại những chặng đường lịch sử Việt Nam</p> <p><i>(1) Việt Nam thời tiền sử và sơ sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Thời kì nguyên thuỷ – Thời đại dựng nước <p><i>(2) Từ thời kì Bắc thuộc đến thời kì độc lập, tự chủ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bắc thuộc và chống Bắc thuộc (179 TCN – 938) – Thời kì quân chủ độc lập tự chủ <p><i>(3) Từ Việt Nam cận đại đến Việt Nam hiện đại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Thời kì thuộc Pháp (1858 – 1945) – Thời kì hiện đại (từ 1945 đến nay) 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam qua các thời kì lịch sử trên trục thời gian. Nhận thức được cách phân kì lịch sử chỉ mang ý nghĩa khái quát. -Nêu được nét chính về xã hội nguyên thuỷ ở Việt Nam. – Xác định được trên bản đồ vị trí của các nhà nước cổ đại ở Việt Nam. Nêu được thời điểm ra đời của các nhà nước cổ đại ở Việt Nam. – Biết cách sưu tầm và bước đầu biết sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về thời kì Bắc thuộc. – Xác định được mốc kết thúc thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc. – Kể tên được các triều đại quân chủ của Việt Nam. – Chỉ ra được một số sự kiện quan trọng của lịch sử Việt Nam trong thời kì 1858 – 1945 trên trục thời gian. – Chỉ ra được một số sự kiện quan trọng của lịch sử Việt Nam trong thời kì từ năm 1945 đến nay trên trục thời gian. – Đánh giá được tác động của các sự kiện này đối với tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Một số nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam</p> <p><i>(1) Văn minh Việt Nam cổ trong bối cảnh khu vực Đông Nam Á</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Các dấu tích cư trú của con người trên đất nước Việt Nam thời kì đồ đá – Một số nền văn hoá khảo cổ học tiêu biểu – Đời sống cư dân Việt cổ 	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vị trí của nền văn minh Việt Nam cổ trong bối cảnh khu vực Đông Nam Á.
<p><i>(2) Văn minh sông Hồng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Một số hiện vật tiêu biểu – Đời sống của cư dân – chủ nhân nền văn minh sông Hồng – Nhà nước sơ kì Văn Lang, Âu Lạc <p><i>(3) Văn minh Champa, Phù Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Một số hiện vật khảo cổ học văn minh Champa cổ – Một số hiện vật khảo cổ học về văn minh Phù Nam <p><i>(4) Nhận xét</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Các nền văn minh cổ trên đất Việt Nam ngày nay trong bối cảnh khu vực Đông Nam Á – Các nền văn minh cổ Việt Nam trong tiến trình lịch sử dân tộc 	<ul style="list-style-type: none"> – Bước đầu biết sử dụng, phân tích hiện vật lịch sử để tìm hiểu về văn minh sông Hồng. – Chỉ ra được những thành tựu cơ bản của nền văn minh sông Hồng. – Xác định được những nét chính của văn minh Champa, Phù Nam. – Đưa ra nhận xét, đánh giá về ý nghĩa, giá trị của các nền văn minh cổ trên đất Việt Nam trong lịch sử dân tộc. – Biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ nói trên để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. – Trân trọng và góp phần bảo tồn các di sản văn hoá của dân tộc.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Văn minh Đại Việt</p> <p><i>(1) Những chặng đường của nền văn minh Đại Việt</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm văn minh Đại Việt – Cơ sở hình thành, quá trình phát triển của văn minh Đại Việt <p><i>(2) Một số thành tựu của nền văn minh Đại Việt</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Về kinh tế – Về chính trị – Về tư tưởng, tôn giáo – Về văn hoá, giáo dục, văn học, nghệ thuật 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm văn minh Đại Việt. – Phân tích được cơ sở hình thành, quá trình phát triển của văn minh Đại Việt. – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về những thành tựu của văn minh Đại Việt.
<p><i>(3) Nhận xét</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Về ưu điểm – Về hạn chế 	<ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế của văn minh Đại Việt. – Biết vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hoá Việt Nam.
<p>Văn minh Việt Nam cận đại</p> <p><i>(1) Văn minh Việt Nam truyền thống trước thách thức của thời đại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tính chất lạc hậu và bảo thủ của văn minh Việt Nam truyền thống – Các ý kiến phê bình văn minh truyền thống 	<ul style="list-style-type: none"> – Chỉ ra được những thách thức đặt ra đối với văn minh Việt Nam truyền thống trước nguy cơ xâm nhập của thực dân phương Tây.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>(2) Tiếp nhận văn minh phương Tây và thành tựu của văn minh nhân loại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự du nhập văn minh phương Tây – Sự tự nguyện tiếp thu văn minh phương Tây và thành tựu tiên bộ của văn minh nhân loại <p><i>(3) Những đặc điểm của văn minh Việt Nam thời cận đại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Chất lọc tinh hoa từ di sản văn minh truyền thống – Tiếp thu và “nội hoá” các thành tựu văn minh từ bên ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được quá trình Việt Nam tiếp nhận văn minh phương Tây và những thành tựu tiên bộ của văn minh nhân loại. – Giải thích được những đặc điểm của văn minh Việt Nam thời cận đại. – Nêu và biết vận dụng một số kinh nghiệm tiếp nhận văn minh nhân loại của dân tộc Việt Nam thời cận đại trong bối cảnh hội nhập quốc tế của đất nước hiện nay.
<p>Văn minh Việt Nam hiện đại</p> <p><i>(1) Bước đầu kiến tạo nền văn minh hiện đại trong thời chiến</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kiến tạo nước Việt Nam mới 1945 – 1954: kháng chiến và kiến quốc – Xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc – Miền Nam trong thời kì 1954 – 1975 <p><i>(2) Đổi mới: hiện đại hoá và khôi phục các giá trị, di sản truyền thống tốt đẹp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đổi mới: cuộc hồi sinh vĩ đại của dân tộc và khát vọng phát triển mới 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được một số nét cơ bản của văn minh Việt Nam hiện đại ở miền Bắc và miền Nam. – Đưa ra nhận xét về ý nghĩa của những thành tựu trong công cuộc đổi mới, mở cửa từ năm 1986 đến nay.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Bảo tồn các giá trị tốt đẹp truyền thống trong quá trình đổi mới, mở cửa 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được sự cần thiết phải giữ gìn các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong quá trình đổi mới, mở cửa, hội nhập với khu vực và quốc tế.
THỰC HÀNH LỊCH SỬ	
<ul style="list-style-type: none"> – Tiến hành các dự án giáo dục lịch sử gắn với thực địa, di sản lịch sử, văn hoá... – Tham quan các di tích lịch sử, văn hoá, bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử. – Tổ chức các trò chơi lịch sử, học sinh đóng vai các nhân vật lịch sử. – Tổ chức các cuộc thi khám phá, giải mã những bí ẩn của lịch sử thế giới, lịch sử Đông Nam Á, lịch sử Việt Nam. 	

CHUYÊN ĐỀ LỚP 10

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC	
<p>Thông sử và Lịch sử dân tộc</p> <p><i>(1) Khái quát về một số cách trình bày lịch sử truyền thống</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kể chuyện về quá khứ – Lịch sử biên niên – Lịch sử theo chủ đề, chuyên đề <p><i>(2) Thông sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm – Nhận xét về ưu điểm và hạn chế. 	<ul style="list-style-type: none"> – Tóm tắt được những nét chính về một số cách trình bày lịch sử truyền thống ở Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể. – Giải thích được khái niệm và nội dung chính của thông sử.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>(3) <i>Lịch sử dân tộc</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm – Nội dung chính – Một số ví dụ minh hoạ 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm và nội dung chính về lịch sử dân tộc thông qua ví dụ cụ thể.
<p>Lịch sử văn hoá và lịch sử tư tưởng Việt Nam</p> <p>(1) <i>Lịch sử văn hoá Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam – Khái lược tiến trình lịch sử văn hoá Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> – Chỉ ra được đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hoá Việt Nam. – Tóm tắt được diễn trình cơ bản của lịch sử văn hoá Việt Nam trên trục thời gian.
<p>(2) <i>Lịch sử tư tưởng Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đối tượng – Phạm vi của lịch sử tư tưởng: – Khái lược lịch sử tư tưởng Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> – Chỉ ra được đối tượng và phạm vi của lịch sử tư tưởng Việt Nam. – Tóm tắt được diễn trình cơ bản của lịch sử tư tưởng Việt Nam trên trục thời gian.
<p>Lịch sử xã hội và lịch sử kinh tế Việt Nam</p> <p>(1) <i>Lịch sử xã hội và lịch sử xã hội Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đối tượng của lịch sử xã hội – Khái lược về xã hội Việt Nam truyền thống và hiện đại <p>(2) <i>Lịch sử kinh tế và lịch sử kinh tế Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đối tượng của lịch sử kinh tế – Khái lược lịch sử kinh tế Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được đối tượng của lịch sử xã hội. – Tóm tắt được diễn trình cơ bản lịch sử xã hội Việt Nam trên trục thời gian. – Giải thích được đối tượng của lịch sử kinh tế. – Tóm tắt được diễn trình cơ bản lịch sử kinh tế Việt Nam trên trục thời gian.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ Ở VIỆT NAM	
<p>Di sản văn hoá</p> <p><i>(1) Khái niệm Di sản văn hoá</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Di sản văn hoá là gì? – Một số khái niệm liên quan <p><i>(2) Phân loại di sản văn hoá</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân loại theo tính chất: Di sản văn hoá vật thể và Di sản văn hoá phi vật thể – Phân loại di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh (Điều 20 Luật Di sản 2001). – Xếp hạng di sản UNESCO (theo Công ước Di sản thế giới). 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm và ý nghĩa của di sản văn hoá. – Chỉ ra được một số cách phân loại, phân hạng di sản văn hoá. – Phân tích được nội dung các tiêu chí xếp loại di sản văn hoá của UNESCO.
<p>Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá</p> <p><i>(1) Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Di sản văn hoá và di sản thiên nhiên là tài sản vô giá của cộng đồng, dân tộc và nhân loại – Bảo tồn phải đặt trong bối cảnh phát triển bền vững để bảo tồn không trở thành gánh nặng và rào cản của phát triển – Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển <p><i>(2) Quan điểm bảo tồn và phát huy giá trị di sản</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Quan điểm bảo tồn – Quan điểm phát triển bền vững 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá. – Phân tích được những quan điểm bảo tồn và phát triển di sản văn hoá.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>(3) Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá phải dựa trên cơ sở, luận cứ khoa học – Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá là trách nhiệm của hệ thống chính trị, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và của mỗi người – Vai trò của cộng đồng dân cư – Ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản <p><i>(4) Trách nhiệm của các bên liên quan</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhà nước – Cộng đồng, xã hội – Công dân – Tổ chức quốc tế 	<ul style="list-style-type: none"> – Chỉ ra được những giải pháp cơ bản đối với công tác bảo tồn di sản văn hoá trong quá trình phát triển bền vững của đất nước và địa phương. – Đưa ra nhận xét về trách nhiệm của mỗi công dân đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản. – Có ý thức trách nhiệm và sẵn sàng đóng góp vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá.
<p>Một số di sản văn hoá và thiên nhiên tiêu biểu của dân tộc Việt Nam (gợi ý)</p> <p><i>(1) Giới thiệu một số di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Dân ca quan họ Bắc Ninh – Ca trù – Không gian văn hoá cồng chiêng Tây Nguyên – Nhã nhạc cung đình Huế – Đờn ca tài tử Nam Bộ... ... 	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vị trí phân bố các di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên bản đồ. – Giới thiệu được nét cơ bản về một số di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>(2) Giới thiệu một số di sản văn hoá vật thể tiêu biểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trống đồng Đông Sơn – Thành Cổ Loa – Hoàng thành Thăng Long – Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội) – Quảng trường Ba Đình và Di tích lịch sử Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh – Thành Nhà Hồ – Cố đô Huế – Tháp Chăm – ... <p>(3) Giới thiệu một số di sản thiên nhiên tiêu biểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cao nguyên địa chất toàn cầu (Cao nguyên Đá Hà Giang; – Vịnh Hạ Long – Vườn quốc gia Cúc Phương – Vườn Quốc gia Cát Tiên... 	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vị trí phân bố các di sản văn hoá vật thể tiêu biểu trên bản đồ. – Giới thiệu được nét cơ bản về một số di sản văn hoá vật thể tiêu biểu. <ul style="list-style-type: none"> – Xác định vị trí phân bố các di sản thiên nhiên tiêu biểu trên bản đồ. – Giới thiệu được nét cơ bản về một số di sản thiên nhiên tiêu biểu.
<p>(4) Giới thiệu một số di sản phức hợp tiêu biểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khu di tích – danh thắng Tràng An (Ninh Bình) – Khu di tích – danh thắng Yên Tử (Quảng Ninh) 	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vị trí phân bố các di sản phức hợp tiêu biểu trên bản đồ.
NHẬT BẢN: HÀNH TRÌNH LỊCH SỬ TỪ NĂM 1868 ĐẾN NAY	
<p>Nhật Bản thời kì Minh Trị (1868 – 1912)</p> <p>(1) Vì sao Nhật Bản phải tiến hành cải cách?</p>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Chính sách đóng cửa của Mạc phủ Tokugawa – Những vấn đề cấp bách đặt ra <p><i>(2) Cuộc Duy tân Minh Trị</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Mục đích của cuộc cải cách – Những nội dung cải cách – Ý nghĩa của cuộc cải cách 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được vì sao Nhật Bản phải tiến hành cải cách năm 1868. – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về cuộc Duy tân Minh Trị. – Giải thích được ý nghĩa của cuộc Duy tân Minh Trị.
<p>Nhật Bản với hai cuộc chiến tranh thế giới nửa đầu thế kỉ XX</p> <p><i>(1) Nhật Bản với Chiến tranh thế giới thứ nhất</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhật Bản tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất – Tác động của chiến tranh đối với Nhật Bản <p><i>(2) Nhật Bản với Chiến tranh thế giới thứ hai</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Từ Đại suy thoái kinh tế đến quá trình quân phiệt hoá bộ máy Nhà nước – Quá trình mở rộng chiến tranh xâm lược Trung Quốc và chiến tranh Thái Bình Dương – Thất bại của Nhật Bản 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được nguyên nhân vì sao Nhật Bản tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất. – Đánh giá được tác động của Chiến tranh thế giới đối với Nhật Bản. – Giải thích được nguyên nhân vì sao Nhật Bản mở rộng chiến tranh xâm lược Trung Quốc và chiến tranh Thái Bình Dương. – Đánh giá được tác động của chiến tranh đối với Nhật Bản.
<p>Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 – 1973)</p> <p><i>(1) Thời kì Nhật Bản bị quân đội Đồng minh chiếm đóng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Quá trình dân chủ hoá – Những chuyển biến về kinh tế, chính trị, xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> – Chỉ ra được những chuyển biến của Nhật Bản trong thời kì bị chiếm đóng.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>(2) Thời kì tăng trưởng cao về kinh tế</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nguyên nhân của “sự thần kì” kinh tế – Tình hình chính trị – xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> – Suu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản. – Giải thích được nguyên nhân dẫn đến “sự thần kì” kinh tế của Nhật Bản.
<p>Nhật Bản từ năm 1973 đến nay</p> <p>(1) Thời kì khủng hoảng và điều chỉnh (1973–2000)</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự phát triển không ổn định kinh tế – Tình hình chính trị, xã hội <p>(2) Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cải cách và quá trình phục hồi kinh tế – Những chuyển biến về chính trị – xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được nguyên nhân của sự phát triển không ổn định về kinh tế của Nhật Bản kể từ sau năm 1973. – Chỉ ra được những nét chính về tình hình chính trị, xã hội Nhật Bản. – Giải thích được vì sao Nhật Bản phải tiến hành cải cách kinh tế. – Phân tích được quá trình cải cách và phục hồi kinh tế của Nhật Bản những năm đầu thế kỉ XXI.

LỚP 11

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN	
<p>Khái niệm cách mạng tư sản</p> <p>(1) Khái niệm cách mạng tư sản</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm cách mạng tư sản – Nguyên nhân bùng nổ 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm cách mạng tư sản, nguyên nhân dẫn đến cách mạng tư sản.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Mục tiêu và nhiệm vụ – Lãnh đạo và động lực cách mạng 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo và động lực của cách mạng tư sản.
<p><i>(2) Đặc điểm của cách mạng tư sản</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tính chất của cách mạng tư sản <p><i>(3) Kết quả và ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kết quả của các cuộc cách mạng tư sản – Ý nghĩa và tác động 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được những tính chất của cách mạng tư sản. – Đánh giá được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.
<p>Các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu</p> <p><i>(1) Cách mạng tư sản Anh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nguyên nhân bùng nổ – Tính chất và ý nghĩa lịch sử <p><i>(2) Cách mạng tư sản Pháp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Những tiền đề của cách mạng – Tính chất và ý nghĩa của Cách mạng tư sản Pháp <p><i>(3) Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nguyên nhân bùng nổ – Tuyên ngôn Độc lập và sự thành lập Hợp chúng quốc Hoa Kỳ – Tính chất và ý nghĩa lịch sử 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được nguyên nhân bùng nổ Cách mạng tư sản Anh. – Phân tích được ý nghĩa của Cách mạng tư sản Anh đối với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. – Giải thích được vì sao Cách mạng Pháp bùng nổ. – Đánh giá được ảnh hưởng sâu rộng và ý nghĩa của Cách mạng tư sản Pháp. – Giải thích được cuộc đấu tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ về thực chất là một cuộc cách mạng tư sản.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản</p> <p><i>(1) Sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu – Sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở Bắc Mỹ <p><i>(2) Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Chủ nghĩa đế quốc và quá trình xâm lược thuộc địa – Sự mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản <p><i>(3) Chủ nghĩa tư bản hiện đại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại – Tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại 	<ul style="list-style-type: none"> – Tóm tắt được sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ. – Giải thích được tầm quan trọng của thuộc địa đối với sự phát triển của chủ nghĩa đế quốc. – Phân tích được sự mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản. – Giải thích được khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại. – Chỉ ra được tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại.
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ 1917 ĐẾN NAY	
<p>Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p><i>(1) Bối cảnh lịch sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự phát triển của phong trào công nhân – Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội không tưởng <p><i>(2) Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Những nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học – Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản và những luận điểm cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được bối cảnh xuất hiện chủ nghĩa xã hội khoa học. – Suu tầm và đọc hiểu Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, biết chọn lọc thông tin từ văn bản để hiểu về chủ nghĩa xã hội khoa học.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và sự phát triển của chủ nghĩa xã hội</p> <p><i>(1) Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự xuất hiện Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới – Ý nghĩa và ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 <p><i>(2) Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu – Sự mở rộng chủ nghĩa xã hội ở châu Á và Cuba <p><i>(3) Triển vọng của chủ nghĩa xã hội</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nguyên nhân sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, Liên Xô – Thành tựu, thách thức và triển vọng của chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> – Đưa ra nhận xét về ý nghĩa và ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. – Phân tích được sự phát triển và mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, châu Á và Cuba từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. – Giải thích được nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, Liên Xô. – Đưa ra nhận xét về những thành tựu của chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, Việt Nam. – Trân trọng những thành tựu, giá trị của chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á	
<p>Quá trình thực dân hoá ở Đông Nam Á</p> <p><i>(1) Đông Nam Á trước khi các nước tư bản phương Tây xâm lược</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tình hình kinh tế – Tình hình chính trị, xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> – Tóm tắt được những nét chính của tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Đông Nam Á trước khi bị thực dân phương Tây xâm lược.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>(2) <i>Quá trình các nước tư bản phương Tây xâm nhập và xâm lược Đông Nam Á</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khu vực Đông Nam Á hải đảo – Khu vực Đông Nam Á lục địa <p>(3) <i>Công cuộc cải cách ở Xiêm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Công cuộc cải cách ở Xiêm – Ý nghĩa của công cuộc cải cách ở Xiêm 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược Đông Nam Á (khu vực Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo) – Giải thích được nguyên nhân vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa.
<p>Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á</p> <p>(1) <i>Phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khu vực Đông Nam Á hải đảo – Khu vực Đông Nam Á lục địa <p>(2) <i>Các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cuối thế kỉ XIX đến năm 1918 – Từ năm 1918 đến năm 1945 – Từ năm 1945 đến năm 1975 <p>(3) <i>Các con đường khác nhau đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Các cuộc kháng chiến chống thực dân, giải phóng dân tộc ở các thuộc địa của Pháp – Đàm phán hoà bình với chính quyền thực dân ở các thuộc địa của Anh, Mỹ... 	<ul style="list-style-type: none"> – Tóm tắt được nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á: Indonesia, Philippines, ba nước Đông Dương. – Chỉ ra được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á trên trục thời gian. – Giải thích được sự đa dạng của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á. – Có ý thức trân trọng thành quả đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>(4) Thời kì tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập</p> <ul style="list-style-type: none"> – Những di sản của chế độ thực dân – Quá trình tái thiết và phát triển 	<ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá được những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với các thuộc địa. Liên hệ với thực tế ở Việt Nam. – Tóm tắt được nét chính về quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á.
CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)	
<p>Chiến tranh và lịch sử chiến tranh</p> <p>(1) <i>Khái lược về chiến tranh trong lịch sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm chiến tranh – Phân loại chiến tranh: Chiến tranh chính nghĩa và Chiến tranh phi nghĩa; Chiến tranh vệ quốc (kháng chiến) và Chiến tranh giải phóng, Chiến tranh xâm lược... <p>(2) <i>Lịch sử chiến tranh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Chiến tranh – hiện tượng lịch sử phổ biến trong lịch sử thế giới và lịch sử các quốc gia, dân tộc. – Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, chiến tranh giải phóng – Sự cần thiết phải học về lịch sử chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, chiến tranh giải phóng 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm về chiến tranh. – Chỉ ra được nguyên tắc cơ bản trong phân loại và đánh giá về chiến tranh trong lịch sử. – Giải thích được sự cần thiết của việc tìm hiểu, học tập và nghiên cứu về lịch sử chiến tranh.
<p>Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam</p> <p>(1) <i>Khái lược</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Vị thế địa – chiến lược của Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết trân trọng truyền thống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của các thế hệ cha ông trong lịch sử, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.
<p><i>(2) Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Một số cuộc kháng chiến trong thời kì Văn Lang, Âu Lạc – Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán và chiến thắng Bạch Đằng năm 938 – Cuộc kháng chiến chống Tống năm 981 và năm 1075 – 1077 – Ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên – Kháng chiến chống quân Xiêm năm 1784 – 1785 – Kháng chiến chống quân Thanh năm 1789 <p><i>(3) Một số cuộc kháng chiến thất bại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kháng chiến chống quân Triệu và sự sụp đổ của nhà nước Âu Lạc – Kháng chiến chống Minh và sự thất bại của nhà nước Đại Ngu dưới triều Hồ – Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nửa sau thế kỉ XIX <p><i>(4) Một số bài học lịch sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Về tính chất chính nghĩa của các cuộc kháng chiến – Về vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc – Về nghệ thuật quân sự Việt Nam – Giá trị của các bài học kinh nghiệm lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay 	<ul style="list-style-type: none"> – Tóm tắt được nét khái quát của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. – Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược. – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên. <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được nguyên nhân thất bại của một số cuộc kháng chiến trong lịch sử. <ul style="list-style-type: none"> – Chỉ ra được những bài học lịch sử cơ bản từ lịch sử chống ngoại xâm của cha ông. – Có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ, xây dựng đất nước của cha ông và sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN – đến cuối thế kỉ XIX)</p> <p><i>(1) Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khởi nghĩa Hai Bà Trưng – Khởi nghĩa Bà Triệu – Khởi nghĩa Lý Bí – Khởi nghĩa Phùng Hưng <p><i>(2) Khởi nghĩa Lam Sơn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh lịch sử – Diễn biến cơ bản – Nhận xét <p><i>(3) Phong trào Tây Sơn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh lịch sử – Diễn biến cơ bản – Nhận xét <p><i>(4) Một số bài học lịch sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Về tính chất chính nghĩa của các cuộc khởi nghĩa – Về quá trình vận động, tập hợp nhân dân, vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc, vai trò của phụ nữ trong các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc. – Về nghệ thuật xây dựng căn cứ, lãnh đạo khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm “khởi nghĩa” và “chiến tranh giải phóng”. – Đánh giá được ý nghĩa của một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng tiêu biểu. – Phân tích được bối cảnh lịch sử và một số diễn biến chính của khởi nghĩa Lam Sơn. – Nêu được nhận xét về ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn. – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử về phong trào Tây Sơn. – Phân tích được bối cảnh lịch sử và những diễn biến chính của phong trào Tây Sơn. – Rút ra những bài học lịch sử chính của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam. – Giải thích được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. – Tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của cha ông trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. 	
CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI	
<p>Các dân tộc trên đất nước Việt Nam</p> <p>(1) Thành phần dân tộc theo dân số</p> <p>(2) Thành phần dân tộc theo ngữ hệ</p> <ul style="list-style-type: none"> – Ngữ hệ Nam Á – Ngữ hệ Nam Đảo (Malayo – Polynesia) – Ngữ hệ Hán Tạng 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được thành phần dân tộc theo dân số. – Trình bày được khái niệm ngữ hệ và cách phân chia thành phần dân tộc theo ngữ hệ. – Thống kê được các dân tộc theo ngữ hệ.
<p>Sự phân bố theo vùng địa lí và đặc điểm của các dân tộc ở Việt Nam</p> <p>(1) Sự phân bố theo vùng địa lí</p> <p>(2) Đặc điểm kinh tế, văn hoá, xã hội các dân tộc</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Chỉ ra được sự phân bố của các dân tộc theo vùng địa lí trên bản đồ. – Phân biệt được các đặc điểm chính về kinh tế, văn hoá, xã hội giữa các dân tộc, các nhóm dân tộc.
<p>Quan hệ giữa các dân tộc ở Việt Nam</p> <p>(1) Quan hệ giữa các dân tộc và ý nghĩa của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được tính thống nhất trong đa dạng của cộng đồng dân tộc Việt Nam; – Đánh giá được ý nghĩa của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước Việt Nam. Biết trân trọng và có hành động cụ thể góp phần tham gia vào việc giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<i>(2) Chính sách của nhà nước về vấn đề dân tộc</i>	– Chỉ ra được những nét cơ bản về chính sách dân tộc của nhà nước hiện nay.
LÀNG XÃ VIỆT NAM: TỪ TRUYỀN THỐNG ĐẾN HIỆN ĐẠI	
<p><i>(1) Giới thiệu chung về làng xã</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm làng xã – Các loại hình làng xã – Tên gọi làng xã <p><i>(2) Nguồn gốc và quá trình phát triển của làng xã Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nguồn gốc của làng xã – Quá trình phát triển làng xã Việt Nam <p><i>(3) Kinh tế làng xã</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kinh tế nông nghiệp và chế độ sở hữu ruộng đất – Thương nghiệp, thủ công nghiệp làng xã 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm làng xã. – Phân biệt được các loại hình làng xã. – Giải thích được cách thức đặt tên các làng xã qua một số ví dụ cụ thể. – Giải thích được nguồn gốc của làng xã Việt Nam. – Phác thảo được trên trục thời gian tiến trình phát triển của làng xã qua các thời kì lịch sử. – Phân tích được cơ sở kinh tế, tính chất tự cấp, tự túc về nền kinh tế của làng xã Việt Nam.
<p><i>(4) Tổ chức xã hội ở làng xã Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Các loại hình tổ chức xã hội – Bộ máy quản lí – Hương ước 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân biệt được các hình thức tổ chức xã hội của làng xã Việt Nam. – Trình bày được sơ lược về bộ máy quản lí làng xã ở Việt Nam. – Nhận diện được thế nào là hương ước làng xã và ý nghĩa của nó.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>(5) <i>Tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt lễ hội trong làng xã cổ truyền</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tín ngưỡng trong làng xã – Nho, Phật, Đạo dung hợp – Lễ hội truyền thống 	<ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được một số hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong làng xã của người Việt Nam. –Giới thiệu được một số lễ hội tiêu biểu của làng xã Việt Nam. – Có ý thức tôn trọng hoạt động tín ngưỡng, lễ hội của làng xã ở địa phương và trong cả nước nói chung.
THỰC HÀNH LỊCH SỬ	
<ul style="list-style-type: none"> – Tiến hành các dự án giáo dục lịch sử gắn với thực địa, di sản lịch sử, văn hoá. – Tham quan các di tích lịch sử, văn hoá, bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử... – Tổ chức các câu lạc bộ: “Em yêu lịch sử”, các trò chơi lịch sử. – Tổ chức các cuộc thi khám phá, giải mã những bí ẩn của lịch sử thế giới, lịch sử Đông Nam Á, lịch sử Việt Nam 	

CHUYÊN ĐỀ LỚP 11

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
TÌM HIỂU NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM	
<p>Nghệ thuật thời Lý – Trần</p> <p>(1) <i>Nghệ thuật thời Lý</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kiến trúc – Điêu khắc – Âm nhạc 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được những nét cơ bản về nghệ thuật thời Lý thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>(2) <i>Nghệ thuật thời Trần</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Điêu khắc – Âm nhạc 	<ul style="list-style-type: none"> – Thống kê được những thành tựu nghệ thuật chính thời Trần thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... – So sánh được những điểm tương đồng và khác biệt trong nghệ thuật kiến trúc thời Lý với thời Trần.
<p>Nghệ thuật thời Lê sơ và thời Mạc</p> <p>(1) <i>Nghệ thuật thời Lê sơ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kiến trúc và điêu khắc – Âm nhạc <p>(2) <i>Nghệ thuật thời Mạc</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kiến trúc – Điêu khắc 	<ul style="list-style-type: none"> – Chỉ ra được những thành tựu nghệ thuật chính thời Lê sơ thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... – So sánh được những điểm tương đồng và khác biệt trong nghệ thuật kiến trúc thời Lê sơ với thời Lý – Trần. – Thống kê được những thành tựu nghệ thuật chính thời Mạc. – Chỉ ra được những đặc điểm mới của nghệ thuật kiến trúc thời Mạc.
<p>Nghệ thuật thời Lê trung hưng và thời Nguyễn</p> <p>(1) <i>Nghệ thuật thời Lê trung hưng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Âm nhạc dân gian – Kiến trúc 	<ul style="list-style-type: none"> – Phác thảo được những nét cơ bản về nghệ thuật thời Lê trung hưng thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Điêu khắc – Hội hoạ <p><i>(2) Nghệ thuật thời Nguyễn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Kiến trúc – điêu khắc: – Mỹ thuật – Âm nhạc 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được những điểm mới về nghệ thuật thời Lê trung hưng. – Mô tả được những nét cơ bản về nghệ thuật thời Nguyễn thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... – Chỉ ra được những điểm mới của nghệ thuật thời Nguyễn.
CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH TRONG THẾ KỈ XX	
<p>Chiến tranh và hoà bình nửa đầu thế kỉ XX</p> <p><i>(1) Hai cuộc chiến tranh thế giới nửa đầu thế kỉ XX</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918): nguyên nhân, hậu quả và tác động – Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945): nguyên nhân, hậu quả và tác động <p><i>(2) Cuộc đấu tranh vì hoà bình giữa hai cuộc chiến tranh thế giới</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cách mạng tháng Mười Nga 1917 và Sắc lệnh hoà bình của Lênin. – Hai thập niên hoà bình giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1919 – 1939). – Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh. 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được nguyên nhân cơ bản dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới. – Phân tích, đánh giá được những hậu quả và tác động của hai cuộc chiến tranh thế giới. – Giải thích được khát vọng hoà bình và cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới trong hai thập niên giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>(3) Phong trào kháng chiến chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Phong trào kháng chiến chống phát xít ở châu Âu, châu Á, châu Phi – Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô 	<ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá được ý nghĩa của phong trào kháng chiến chống phát xít vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ hai. – Giải thích được ý nghĩa cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô.
<p>Chiến tranh và hoà bình từ sau năm 1945 đến nay</p> <p><i>(1) Cuộc Chiến tranh lạnh (1947 – 1989)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nguyên nhân, đặc điểm – Kết thúc Chiến tranh lạnh và những hậu quả đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng 	<ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá được những hậu quả, tác động của cuộc Chiến tranh lạnh đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. – Chỉ ra được ý nghĩa của cuộc đấu tranh chống chạy đua vũ trang, vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh. – Giải thích được vì sao cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam nhận được sự ủng hộ của nhân dân thế giới.
<p><i>(2) Chiến tranh, xung đột quân sự sau Chiến tranh lạnh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Các cuộc nội chiến, xung đột quân sự kéo dài do những mâu thuẫn về sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ – Sự kiện 11/9/2001 và cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ – Những cuộc chiến tranh khu vực đầu thế kỉ XXI 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh, xung đột vẫn tiếp diễn.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>(3) Đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đấu tranh chống chạy đua vũ trang, vì hoà bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh: Đại hội hoà bình thế giới 26/4/1949 (Paris), sự thành lập Hội đồng hoà bình thế giới – Phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam – Đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới sau Chiến tranh lạnh 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc. – Có ý thức trân trọng và góp phần tham gia vào cuộc đấu tranh vì hoà bình của nhân dân thế giới.
NHÂN TÀI TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM	
<p>Những nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời trung đại (Gợi ý lựa chọn)</p> <p><i>(1) Đinh Bộ Lĩnh</i> <i>(3) Trần Thủ Độ</i> <i>(4) Lê Thánh Tông</i> <i>(5) Minh Mệnh</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ trung đại. – Đưa ra nhận xét về những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ trung đại. – Có ý thức trân trọng những đóng góp của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử dân tộc.
<p>Những danh nhân quân sự Việt Nam (Gợi ý lựa chọn)</p> <p><i>(1) Ngô Quyền</i> <i>(2) Trần Quốc Tuấn</i> <i>(3) Nguyễn Huệ</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>(4) <i>Võ Nguyên Giáp</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá được vai trò của c danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam. – Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân quân sự trong lịch sử dân tộc.
<p>Những danh nhân văn hoá Việt Nam (Gợi ý lựa chọn) (1) <i>Trần Nhân Tông</i> (2) <i>Nguyễn Trãi</i> (3) <i>Nguyễn Du</i> (4) <i>Hồ Xuân Hương</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về một số danh nhân văn hoá trong lịch sử Việt Nam. – Nêu nhận xét về đóng góp chính của danh nhân văn hoá trong lịch sử Việt Nam. – Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân văn hoá trong lịch sử dân tộc.
<p>Những danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo (Gợi ý lựa chọn) (1) <i>Chu Văn An</i> (2) <i>Lê Quý Đôn</i> (3) <i>Tuệ Tĩnh</i> (4) <i>Trần Đại Nghĩa</i> (5) <i>Tôn Thất Tùng</i> (6) <i>Đào Duy Anh</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo. – Nêu nhận xét về đóng góp chính của danh nhân trong lĩnh vực khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo. – Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo trong lịch sử dân tộc.

LỚP 12

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH	
<p>Liên hợp quốc</p> <p><i>(1) Lịch sử hình thành và phát triển</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Lịch sử hình thành – Mục tiêu, nguyên tắc cơ bản – Vai trò Liên hợp quốc – Việt Nam và Liên hợp quốc <p><i>(2) Vai trò của các tổ chức quốc tế của Liên hợp quốc</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Các tổ chức tài chính, kinh tế – Các tổ chức văn hoá, xã hội và các lĩnh vực khác 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về quá trình thành lập Liên hợp quốc. – Phân tích được bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc. – Chỉ ra được mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của Liên hợp quốc. – Giải thích được vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế. – Nêu được nhận xét về đóng góp của Việt Nam đối với các hoạt động của Liên hợp quốc. Tự hào về vai trò của Việt Nam và có ý thức sẵn sàng đóng góp sự nghiệp chung của cộng đồng quốc tế – Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu để hiểu tìm hiểu về chức năng chính và vai trò của các tổ chức của Liên hợp quốc. – Chỉ ra được chức năng chính và vai trò của các tổ chức của Liên hợp quốc.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Hoạt động của các tổ chức quốc tế của Liên hợp quốc ở Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá được vai trò của các tổ chức quốc tế của Liên hợp quốc ở Việt Nam.
<p>Thế giới trong Chiến tranh lạnh</p> <p><i>(1) Thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh thế giới sau chiến tranh – Sự hình thành trật tự thế giới mới <p><i>(2) Thế giới trong Chiến tranh lạnh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự khởi đầu Chiến tranh lạnh – Các cuộc chiến tranh cục bộ – Chiến tranh lạnh kết thúc 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về Chiến tranh lạnh. – Trình bày được khái niệm và quá trình phát triển của Chiến tranh lạnh. – Giải thích được vì sao Chiến tranh lạnh kết thúc.
<p>Thế giới sau Chiến tranh lạnh</p> <p><i>(1) Những chuyển biến của tình hình thế giới sau Chiến tranh lạnh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Trật tự thế giới hai cực sụp đổ – Sự điều chỉnh chiến lược phát triển của các quốc gia – Tham vọng thiết lập trật tự thế giới đơn cực của Mỹ thất bại. – Thế giới không bình yên <p><i>(2) Xu thế đa cực hoá</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm đa cực hoá. – Xu thế đa cực hoá 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được những chuyển biến của tình hình thế giới sau Chiến tranh lạnh. – Giải thích được vì sao tham vọng thiết lập trật tự thế giới đơn cực của Mỹ thất bại. – Trình bày được khái niệm đa cực hoá – Giải thích được vì sao thế giới hướng tới xu thế đa cực hoá.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
NUỐC MỸ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY	
<p>Nước Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai</p> <p><i>(1) Từ thời chiến đến thời bình và sự phát triển kinh tế sau chiến tranh (1945 – 1960)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự phát triển kinh tế – Những vấn đề chính trị – xã hội sau chiến tranh <p><i>(2) Thời kì của những thay đổi (1960 – 1973)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự tăng trưởng kinh tế – Những vấn đề chính trị – xã hội – Phong trào đòi quyền công dân – Nước Mỹ và cuộc Chiến tranh ở Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được những chuyển biến kinh tế, chính trị, xã hội Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. – Giải thích được vì sao những năm 1960 – 1973 ở Mỹ được gọi là “thời kì của những thay đổi”.
<p>Nước Mỹ từ năm 1973 đến nay</p> <p><i>(1) Cuộc khủng hoảng dầu mỏ 1973 và tác động đối với nước Mỹ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nước Mỹ với cuộc khủng hoảng dầu mỏ 1973 – Thời kì lạm phát, đình đốn của nền kinh tế – Những vấn đề chính trị – xã hội <p><i>(2) Những biện pháp điều chỉnh kinh tế – xã hội thập niên 80 của thế kỉ XX</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Chính sách kinh tế của Tổng thống Reagan – Việc giải quyết những vấn đề xã hội – Kết thúc Chiến tranh lạnh 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về diễn biến cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973. – Chỉ ra được tác động của cuộc khủng hoảng dầu mỏ đối với nước Mỹ. – Phân tích được những nội dung chính của chính sách kinh tế, xã hội của Tổng thống Reagan.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>(3) Thời kì tăng trưởng (thập niên 90 của thế kỉ XX)</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự phát triển khoa học – công nghệ – Tăng trưởng kinh tế, tự do hoá thương mại – Tình hình chính trị – xã hội <p>(4) Nước Mỹ từ đầu thế kỉ XXI đến nay</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự kiện 11/9/2001 và cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ – Khái lược tình hình kinh tế, chính trị, xã hội <p>(5) Nhận xét chung về các thời kì phát triển của nước Mỹ từ 1945 đến nay</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích nguyên nhân vì sao kinh tế Mỹ tăng trưởng trong thập niên 90. – Giải thích được tác động của cuộc tấn công khủng bố ngày 11/9/2001 đối với nước Mỹ và cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ. – Tóm tắt được những nét chính về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Mỹ đầu thế kỉ XXI. – Đưa ra nhận xét về sự phát triển thăng trầm của nước Mỹ qua các thời kì từ 1945 đến nay.
TRUNG QUỐC TỪ NĂM 1949 ĐẾN NAY	
<p>Trung Quốc từ năm 1949 đến năm 1978</p> <p>(1) Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa thành lập</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cuộc nội chiến 1946 – 1949 – Kết thúc nội chiến, thất bại của Quốc dân đảng – Sự thành lập nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, ý nghĩa lịch sử <p>(2) Thập niên đầu xây dựng chế độ mới (1949 – 1959)</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thời kì tái thiết sau nội chiến – Kế hoạch 5 năm xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội – Chính sách đối ngoại 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về quá trình thành lập nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. – Nhận xét được ý nghĩa của sự kiện thành lập nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. – Phân tích được những thành tựu chính của Trung Quốc trong thập niên đầu xây dựng chế độ mới.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>(3) Hai thập niên không ổn định (1959 – 1978)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đường lối “Ba ngọn cờ hồng” và những hậu quả về kinh tế, xã hội – Đại cách mạng Văn hoá vô sản và những hệ lụy – Bất đồng và mâu thuẫn Xô – Trung, hoà dịu Mỹ – Trung. 	<ul style="list-style-type: none"> – Chỉ ra được những nét chính của tình hình Trung Quốc trong hai thập niên không ổn định (1959 – 1978).
<p>Công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc (từ năm 1978 đến nay)</p> <p><i>(1) Vì sao Trung Quốc phải tiến hành cải cách?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Những sai lầm về đường lối phát triển kinh tế xã hội trong hai thập niên 1959 – 1978 – Khủng hoảng trầm trọng về kinh tế – xã hội <p><i>(2) Nội dung cải cách: đường lối mới do Đặng Tiểu Bình khởi xướng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Trọng tâm cải cách, phát triển kinh tế – Kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản – Tiến hành cải cách mở cửa, phát triển kinh tế thị trường – Xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc <p><i>(3) Những thành tựu chính</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Về kinh tế – Về khoa học công nghệ, văn hoá, giáo dục – Về đối ngoại 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được vì sao Trung Quốc phải tiến hành cải cách, mở cửa. – Phân tích được những nội dung chính của công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc. – Đưa ra nhận xét về những thành tựu chính của công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ	
<p>Sự ra đời và phát triển của ASEAN</p> <p><i>(1) Quá trình hình thành ASEAN</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – ASEAN từ ý tưởng đến hiện thực – Sự thành lập ASEAN – ASEAN được thành lập nhằm mục đích gì? <p><i>(2) Hành trình phát triển của ASEAN</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Từ ASEAN 5 (1967) đến ASEAN 10 (1999) – Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (1967 – nay) <p><i>(3) Cơ cấu tổ chức của ASEAN (trình bày theo sơ đồ)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Hội nghị Cấp cao ASEAN – Hội đồng Điều phối ASEAN – Các Hội đồng Cộng đồng ASEAN – Các Hội nghị Bộ trưởng chuyên ngành – Tổng Thư kí ASEAN và Ban thư kí ASEAN – Ban thư kí ASEAN quốc gia <p><i>(4) Nguyên tắc cơ bản và phương thức hoạt động của ASEAN</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nguyên tắc cơ bản (theo Hiến chương ASEAN) – Phương thức ra quyết định của ASEAN 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu về quá trình thành lập ASEAN. – Giải thích được nguyên nhân ASEAN được thành lập vào năm 1967. – Phân tích được quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10. – Giải thích được cơ cấu tổ chức của ASEAN thông qua sơ đồ. – Chỉ ra được những nguyên tắc cơ bản của ASEAN. – Giải thích được phương thức ASEAN (ASEAN Way) là cách tiếp cận riêng của ASEAN trong việc giải quyết các vấn đề của khu vực và duy trì quan hệ giữa các nước thành viên.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực</p> <p><i>(1) Ý tưởng và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN – Mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN – Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN <p><i>(2) Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC) – Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) – Cộng đồng Văn hoá – Xã hội (ASCC) <p><i>(3) Cộng đồng ASEAN sau năm 2015</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tầm nhìn ASEAN sau năm 2015 – Những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu để tìm hiểu về quá trình hình thành và mục tiêu của Cộng đồng ASEAN. – Phân tích được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN: Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), Cộng đồng Văn hoá – Xã hội (ASCC). – Đưa ra nhận xét về thuận lợi, khó khăn của Cộng đồng ASEAN. Có ý thức sẵn sàng tham gia vào các hoạt động xây dựng Cộng đồng ASEAN của thế hệ trẻ Việt Nam.
BIỂN ĐÔNG: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI	
<p>Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông</p> <p><i>(1) Vị trí của Biển Đông</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Vị trí, đặc điểm – Các nước tiếp giáp Biển Đông: 8 nước ASEAN và Trung Quốc <p><i>(2) Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tuyến đường giao thông biển huyết mạch – Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương. – Nguồn tài nguyên thiên nhiên biển 	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vị trí của Biển Đông trên bản đồ. – Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>(3) <i>Tầm quan trọng chiến lược của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở Biển Đông</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Vị trí, đặc điểm của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa – Tầm quan trọng chiến lược của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa 	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vị trí của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên bản đồ. – Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
<p>Việt Nam và Biển Đông</p> <p>(1) <i>Tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Về an ninh quốc phòng – Về phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn – Nguồn tài nguyên biển quan trọng <p>(2) <i>Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục – Quá trình Trung Quốc đánh chiếm trái phép quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam – Thực trạng 5 nước 6 bên tranh chấp chủ quyền ở quần đảo Trường Sa 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam. – Giải thích được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong lịch sử. – Chỉ ra được quá trình Trung Quốc đánh chiếm trái phép quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam. – Phân tích được thực trạng tranh chấp chủ quyền ở quần đảo Trường Sa.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>(3) Chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Ban hành văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền – Tham gia Công ước Luật biển năm 1982 của Liên hợp quốc (UNCLOS) – Thông qua Luật Biển Việt Nam năm 2012 – Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) – Tiến tới xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình. – Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của cha ông trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước Việt Nam.
<p>CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN NAY)</p>	
<p>Cách mạng tháng Tám năm 1945</p> <p><i>(1) Những tiền đề và diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh quốc tế – Bối cảnh trong nước – Diễn biến chính 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được bối cảnh lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945. – Chỉ ra được một số nét chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 qua các sự kiện như thành lập Mặt trận Việt Minh, Đại hội quốc dân Tân Trào, giành chính quyền ở một số địa phương (Hà Nội, Huế, Sài Gòn), Lễ Tuyên ngôn độc lập..

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>(2) Vị trí, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vị trí, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám 1945 trong tiến trình lịch sử Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá được vị trí, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945
<p>Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)</p> <p><i>(1) Bối cảnh lịch sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tình hình quốc tế – Tình hình trong nước <p><i>(2) Diễn biến chính</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, dựa vào sức mình là chính – Những thắng lợi quan trọng – Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ <p><i>(3) Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nguyên nhân thắng lợi – Ý nghĩa lịch sử 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954). – Tóm tắt được những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954). – Đánh giá được ý nghĩa của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. – Giải thích được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).
<p>Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)</p> <p><i>(1) Bối cảnh lịch sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tình hình quốc tế – Tình hình trong nước <p><i>(2) Các giai đoạn phát triển chính</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Các giai đoạn chiến lược – Chiến dịch Hồ Chí Minh 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975). – Phân tích được những nét chính về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>(3) Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa, bài học kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nguyên nhân thắng lợi – Ý nghĩa lịch sử 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa, bài học lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975). – Trân trọng, tự hào về truyền thống bất khuất của cha ông trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.
<p>Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975</p> <p>(1) Bối cảnh lịch sử</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tình hình quốc tế, khu vực – Tình hình trong nước <p>(2) Diễn biến chính</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam. – Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc. – Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở vùng biên giới phía Bắc và trên Biển Đông từ năm 1979 đến nay <p>(3) Ý nghĩa lịch sử, bài học lịch sử</p> <ul style="list-style-type: none"> – Ý nghĩa lịch sử – Bài học lịch sử 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (1975 – 1979). – Nêu được những nét chính của cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở vùng biên giới phía Bắc và trên Biển Đông từ năm 1979 đến nay. – Đánh giá được ý nghĩa và bài học lịch sử của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay.
<p>Một số bài học lịch sử</p> <ul style="list-style-type: none"> – Bài học về đại nghĩa dân tộc, tinh thần yêu nước – Bài học về vai trò của khối đoàn kết dân tộc, về vai trò của 	<ul style="list-style-type: none"> – Rút ra được những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ 1945 đến nay.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
phụ nữ Việt Nam trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ 1945 đến nay – Bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại – Bài học về nghệ thuật lãnh đạo	– Nhận xét được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ 1945 đến nay. – Trân trọng những bài học lịch sử của cha ông và sẵn sàng góp phần tham gia bảo vệ Tổ quốc khi Tổ quốc cần.
MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM	
Khái lược về cải cách – Khái niệm cải cách – Một số biểu hiện của các cuộc cải cách	– Giải thích được khái niệm cải cách – Phân tích được những biểu hiện của cải cách.
Một số cuộc cải cách <i>(1) Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (đầu thế kỉ XV)</i> – Hoàn cảnh lịch sử và những điều kiện dẫn tới cuộc cải cách – Nội dung chính của cuộc cải cách – Đánh giá về cuộc cải cách <i>(2) Cuộc cải cách Lê Thánh Tông thế kỉ XV</i> – Bối cảnh lịch sử – Nội dung cải cách – Kết quả – Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm <i>(3) Cuộc cải cách Minh Mạng nửa đầu thế kỉ XIX</i> – Bối cảnh lịch sử – Nội dung cải cách	– Tóm tắt được hoàn cảnh lịch sử, nội dung và đánh giá ý nghĩa cuộc cải cách của nhà Hồ. – Đưa ra nhận xét về nguyên nhân thất bại của triều Hồ trong sự nghiệp cải cách và kháng chiến bảo vệ Tổ quốc. – Phân tích được hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của cuộc cải cách thời Lê Thánh Tông. – Phân tích được bối cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của các cuộc cải cách thời Minh Mạng.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Kết quả và bài học kinh nghiệm <p><i>(4) Cuộc vận động cải cách ở Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh lịch sử – Nội dung chính của các đề xuất cải cách – Kết quả – Bài học lịch sử 	<ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá kết quả và nêu được bài học kinh nghiệm của cuộc cải cách Minh Mạng. – Có ý thức trân trọng những giá trị của các cuộc cải cách của cha ông trong lịch sử. <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được hoàn cảnh lịch sử dẫn đến cuộc vận động cải cách ở Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX. – Tóm tắt được nội dung cơ bản của các đề xuất cải cách. – Đánh giá được nguyên nhân thất bại và ý nghĩa của cuộc vận động cải cách nửa sau thế kỉ XIX
<p>Công cuộc Đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng từ năm 1986 đến nay</p> <p><i>(1) Bối cảnh lịch sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tình hình thế giới – Tình hình trong nước <p><i>(2) Thành tựu cơ bản</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Về kinh tế – Về chính trị – ngoại giao – Về văn hoá – xã hội – Về tư tưởng 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được bối cảnh của công cuộc đổi mới ở Việt Nam vào năm 1986. <ul style="list-style-type: none"> – Chỉ ra được những thành tựu cơ bản của công cuộc đổi mới trong từng giai đoạn.
<p><i>(3) Những hạn chế và thách thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Về kinh tế – Về chính trị – ngoại giao 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được những hạn chế và thách thức của công cuộc đổi mới.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Về văn hoá – xã hội – Về tư tưởng <i>(4) Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm</i> – Ý nghĩa lịch sử – Bài học kinh nghiệm 	<ul style="list-style-type: none"> – Đánh giá được ý nghĩa lịch sử và rút ra được bài học kinh nghiệm của công cuộc đổi mới. – Có ý thức trân trọng và góp phần vào công cuộc xây dựng, đổi mới của đất nước.
QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI	
<p>Quan hệ đối ngoại Việt Nam thời cổ – trung đại</p> <p><i>(1) Quan hệ đối ngoại Việt Nam với Trung Quốc</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam – Trung Quốc ở thế kỉ X – Đặc điểm của quan hệ ngoại giao Việt Nam – Trung Quốc <p><i>(2) Quan hệ đối ngoại Việt Nam với Đông Nam Á</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Quan hệ ngoại giao Việt Nam – Đông Nam Á 	<ul style="list-style-type: none"> – Tóm tắt được những nét chính về sự thiết lập mối quan hệ Việt Nam – Trung Quốc truyền thống. – Giải thích được những đặc điểm của quan hệ Việt Nam – Trung Quốc thời trung đại. – Chỉ ra được những nét chính trong quan hệ giữa Việt Nam với Đông Nam Á.
<p>Quan hệ đối ngoại Việt Nam thời cận – hiện đại</p> <p><i>(1) Ngoại giao Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (đầu thế kỉ XX – 1945)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bối cảnh lịch sử – Hoạt động ngoại giao chủ yếu 	<ul style="list-style-type: none"> – Phác thảo khái quát những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>(2) <i>Quan hệ đối ngoại Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp</i> (1945 – 1954)</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hoàn cảnh lịch sử – Chủ trương đối ngoại – Những thành tựu chính <p>(3) <i>Quan hệ đối ngoại Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ</i> (1954 – 1975)</p> <ul style="list-style-type: none"> – Hoàn cảnh lịch sử – Chủ trương đối ngoại – Những thành tựu chính <p>(4) <i>Quan hệ đối ngoại Việt Nam giai đoạn 1975 – 1985</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Hoàn cảnh lịch sử – Chủ trương đối ngoại – Những thành tựu chính <p>(5) <i>Quan hệ đối ngoại Việt Nam thời kì đổi mới (từ năm 1986 đến nay)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Hoàn cảnh lịch sử – Chủ trương hội nhập quốc tế – Thành tựu và thách thức của ngoại giao Việt Nam thời kì đổi mới. 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được tác động của hoàn cảnh lịch sử đến các hoạt động đối ngoại trong kháng chiến chống Pháp. – Đưa ra nhận xét về những thành tựu của hoạt động đối ngoại Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ. <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được tác động của bối cảnh lịch sử đến các hoạt động ngoại giao trong kháng chiến chống Mỹ. – Đánh giá được những thành tựu của ngoại giao Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được tác động của bối cảnh lịch sử đối với hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1975 – 1985. – Đánh giá được những thành tựu của ngoại giao Việt Nam giai đoạn 1975 – 1985. <ul style="list-style-type: none"> – Sưu tầm và sử dụng tư liệu để hiểu về quan hệ đối ngoại Việt Nam thời kì đổi mới. – Giải thích được vì sao Việt Nam chủ trương hội nhập quốc tế. – Đánh giá được những thành tựu và thách thức của ngoại giao Việt Nam thời kì đổi mới.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<ul style="list-style-type: none"> – Tự hào về truyền thống ngoại giao của cha ông trong lịch sử, góp phần vào việc xây dựng hình ảnh đẹp, thân thiện của đất nước Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.
<p>HỒ CHÍ MINH: ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, NHÀ VĂN HOÁ LỚN</p>	
<p>Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh</p> <p><i>(1) Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Hoàn cảnh đất nước – Hoàn cảnh quê hương – Hoàn cảnh gia đình 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh. – Phân tích được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.
<p><i>(2) Tiểu sử Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Xuất thân – Quê quán <p><i>(3) Khái quát về sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tuổi trẻ – Hoạt động ở nước ngoài (1911 – 1941) – Trở về Việt Nam – Trong nhà tù ở Trung Quốc – Hoạt động lãnh đạo cách mạng 	<ul style="list-style-type: none"> – Tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh. – Chỉ ra được tiến trình hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh trên trục thời gian.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc</p> <p><i>(1) Xác định con đường cứu nước</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Hành trình đi tìm đường cứu nước – Con đường cứu nước – Ý nghĩa của việc tìm ra con đường cứu nước <p><i>(2) Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của Đảng. – Triệu tập chủ trì hội nghị thành lập Đảng Cộng sản – Ý nghĩa của việc thành lập Đảng 	<ul style="list-style-type: none"> – Giới thiệu được hành trình đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh trên bản đồ. – Phân tích được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc. – Đánh giá được ý nghĩa của sự kiện Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước. – Phân tích được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Nguyễn Ái Quốc cho sự ra đời của Đảng Cộng sản. – Tóm tắt được nội dung của Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. – Đánh giá vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
<p><i>(3) Lãnh đạo Cách mạng tháng Tám 1945</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương 8 (5/1941) – Sáng lập Mặt trận Việt Minh (19/5/1941) – Trực tiếp lãnh đạo và tiến hành các hoạt động đấu tranh ngoại giao trong thời gian từ năm 1941 đến năm 1945 – Cùng Trung ương Đảng và Mặt trận Việt Minh lãnh đạo Cách mạng tháng Tám 1945 thắng lợi, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà 	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với việc triệu tập Hội nghị Trung ương 8 (5/1941). – Đánh giá được ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh (19/5/1941) và vai trò của lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p><i>(4) Lãnh đạo kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và chống Mỹ (1954 – 1969)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Giai đoạn 1945 – 1946 – Giai đoạn 1946 – 1954 – Giai đoạn 1954 – 1969 	<ul style="list-style-type: none"> – Chỉ ra được vai trò của Hồ Chí Minh trong giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám (1945 – 1946) khi thực hiện chủ trương “hoà để tiến” thông qua việc kí Hiệp định Sơ bộ (06/3/1946) và bản Tạm ước (14/9/1946). – Phân tích được vai trò của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954). – Phân tích được vai trò của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1969). – Trân trọng công lao, đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.
<p>Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam</p> <p><i>(1) Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Danh hiệu: + Năm 1987, UNESCO công nhận Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn + Nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và những giá trị tư tưởng và văn hoá của Hồ Chí Minh – Tưởng niệm: Nhà lưu niệm; Đài kỉ niệm; Đặt tên ở một số đại lộ,... <p><i>(2) Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bảo tàng, Nhà lưu niệm 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được vì sao nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh. – Giải thích được vì sao Chủ tịch Hồ chí Minh sống mãi trong lòng dân tộc Việt Nam.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Hình tượng văn học, nghệ thuật – Phong trào học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh 	<ul style="list-style-type: none"> – Trân trọng những công hiến và giá trị tư tưởng văn hoá của Chủ tịch Hồ chí Minh, tích cực tham gia phong trào học tập và làm theo tấm gương đạo đức HỒ Chí Minh.
THỰC HÀNH LỊCH SỬ	
<ul style="list-style-type: none"> – Tiến hành các dự án giáo dục lịch sử gắn với thực địa, di sản lịch sử, văn hoá. – Tham quan các di tích lịch sử, văn hoá, bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử,... – Tổ chức các câu lạc bộ “Em yêu lịch sử”, tham gia các trò chơi lịch sử. – Tổ chức các cuộc thi khám phá, giải mã những bí ẩn của lịch sử thế giới, lịch sử Đông Nam Á, lịch sử Việt Nam. 	

CHUYÊN ĐỀ LỚP 12

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
TÌM HIỂU TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM	
<p>Khái quát về tín ngưỡng ở Việt Nam</p> <p><i>(1) Khái niệm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tín ngưỡng – Tôn giáo <p><i>(2) Tín ngưỡng ở Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái lược về tín ngưỡng ở Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo. – Liệt kê được các tín ngưỡng ở Việt Nam – Chỉ ra được những nét chính của các tín ngưỡng thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan thực tế ở địa phương.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
+ Tín ngưỡng tổ tiên và tín ngưỡng Quốc tổ Hùng Vương + <i>Thờ Mẫu</i> + <i>Thờ Thành hoàng</i> + <i>Thờ Anh hùng dân tộc</i>	
Một số tôn giáo ở Việt Nam <i>(1) Nho giáo</i> <i>(2) Phật giáo</i> <i>(3) Cơ đốc giáo</i> <i>(4) Một số tôn giáo khác</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được những biểu hiện của Nho giáo trong đời sống văn hoá – xã hội Việt Nam. – Chỉ ra được những biểu hiện của Phật giáo trong đời sống văn hoá – xã hội thông qua trải nghiệm thực tế, thăm quan chùa chiền ở địa phương. – Phân tích được những biểu hiện của Cơ đốc giáo trong đời sống văn hoá – xã hội thông qua trải nghiệm thực tế. – Nêu được một số nét chính về một số tôn giáo khác– Có ý thức tôn trọng và vận động người khác tôn trọng sự đa dạng tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.
TÌM HIỂU NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ	
Nhà nước và pháp luật Việt Nam thế kỉ X – XIV <i>(1) Nhà nước và pháp luật thời Đinh – Tiền Lê</i> – Nhà nước thời Đinh – Tiền Lê – Các hình thức pháp luật thời Đinh – Tiền Lê <i>(2) Nhà nước và pháp luật thời Lý – Trần</i> – Nhà nước thời Lý – Trần	<ul style="list-style-type: none"> –Chỉ ra được những hình thức nhà nước và pháp luật sơ khai của nhà Đinh – Tiền Lê. – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được những nét chính về nhà nước thời Trần.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> – Các bộ luật thành văn thời Lý – Trần: Hình thư, Hình luật 	<ul style="list-style-type: none"> – Kể tên và tóm tắt được những nội dung chính của các bộ luật thành văn thời Lý – Trần.
<p>Nhà nước và pháp luật Việt Nam thế kỉ XV – XIX</p> <p><i>(1) Nhà nước và pháp luật thời Lê sơ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhà nước thời Lê sơ. – Các bộ luật thành văn thời Lê sơ: Quốc triều hình luật. <p><i>(2) Nhà nước và pháp luật thế kỉ XVI – XVIII</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhà nước thế kỉ XVI – XVIII. – Hệ thống pháp luật thế kỉ XVI – XVIII. 	<ul style="list-style-type: none"> – Chỉ ra được nét chính về hình thức nhà nước thời Lê sơ. – So sánh và phân biệt được những điểm khác biệt của nhà nước thời Lê sơ với nhà nước thời Lý – Trần. Lí giải nguyên nhân của sự khác biệt này. – Giải thích được những điểm tiến bộ của bộ luật Quốc triều hình luật. – Phân tích được những nét cơ bản về hệ thống pháp luật thế kỉ XVI – XVIII.
<p><i>(3) Nhà nước và pháp luật thế kỉ XIX</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhà nước thời Nguyễn – Pháp luật của nhà Nguyễn 	<ul style="list-style-type: none"> – Chỉ ra được nét cơ bản về nhà nước thời Nguyễn thế kỉ XIX. – Phân tích được nét chính của bộ luật tiêu biểu nhất của nhà Nguyễn: Hoàng Việt luật lệ. – Đưa ra nhận xét về vị trí của bộ luật này đối với nhà Nguyễn.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Xây dựng nền chính trị và pháp luật Việt Nam hiện đại</p> <p><i>(1) Hệ thống chính trị Việt Nam hiện đại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Đảng Cộng sản Việt Nam – Hệ thống nhà nước – Mặt trận Tổ quốc Việt Nam – Công đoàn – Các tổ chức chính trị khác <p><i>(2) Nền pháp luật Việt Nam hiện đại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Hiến pháp – Các bộ luật Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu được nét chính về hệ thống chính trị ở Việt Nam. – Phân tích mối liên hệ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị. – Nhận xét được tầm quan trọng của Hiến pháp Việt Nam. – Liệt kê được các bộ luật cơ bản của Việt Nam. – Có ý thức tôn trọng, tuân thủ pháp luật và vận động người khác tuân thủ pháp luật.
TOÀN CẦU HOÁ, KHU VỰC HOÁ VÀ SỰ HỘI NHẬP CỦA VIỆT NAM	
<p>Toàn cầu hoá, khu vực hoá</p> <p><i>(1) Toàn cầu hoá</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Toàn cầu hoá là gì? – Những biểu hiện của toàn cầu hoá – Tác động của toàn cầu hoá: tích cực và tiêu cực 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm toàn cầu hoá. – Sưu tầm và sử dụng tư liệu để hiểu được những biểu hiện và tác động của toàn cầu hoá.
<p><i>(2) Khu vực hoá</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm khu vực hoá – Những thí dụ điển hình về khu vực hoá: Liên minh châu Âu (EU) và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được khái niệm khu vực hoá. – Chỉ ra được những thí dụ điển hình về khu vực hoá: Liên minh châu Âu (EU) và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá, khu vực hoá</p> <p><i>(1) Tác động của toàn cầu hoá đối với Việt Nam</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Tác động tích cực – Tác động tiêu cực <p><i>(2) Việt Nam hội nhập khu vực và quốc tế</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm hội nhập – Việt Nam hội nhập khu vực Đông Nam Á, vai trò và đóng góp của Việt Nam trong ASEAN – Việt Nam hội nhập các tổ chức quốc tế và khu vực châu Á – Thái Bình Dương 	<ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được những tác động (tích cực và tiêu cực) của toàn cầu hoá đối với Việt Nam. – Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu được quá trình Việt Nam hội nhập khu vực và thế giới, vai trò và đóng góp của Việt Nam trong ASEAN. – Tóm tắt được những nét chính về quá trình Việt Nam hội nhập khu vực và quốc tế. – Trân trọng và có ý thức đóng góp vào những thành tựu hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam.

VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Định hướng chung

Chương trình môn Lịch sử được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực, vì vậy phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận năng lực là một trọng tâm của Chương trình. Phương pháp dạy học theo quan điểm phát triển năng lực đặt trọng tâm vào việc rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp; đồng thời gắn hoạt động trí tuệ với hoạt động thực hành, thực tiễn; tăng cường tự học, làm việc trong nhóm nhằm phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực sáng tạo, năng lực tự giải quyết vấn đề của học sinh, đáp ứng mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể.

2. Phương pháp đặc thù của môn Lịch sử

Phương pháp dạy học lịch sử theo định hướng tiếp cận năng lực được thực hiện trên nền tảng những nguyên tắc cơ bản của khoa học lịch sử: thông qua các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện lịch sử, phục dựng một cách chân thực, khách quan

quá trình hình thành, phát triển của các sự kiện, quá trình lịch sử, đồng thời đặt quá trình phát triển đó trong sự tương tác với các nhân tố liên quan trong suốt quá trình vận động của chúng. Giáo viên không đặt trọng tâm vào việc truyền đạt kiến thức lịch sử cho học sinh mà chú trọng việc hướng dẫn học sinh nhận diện và khai thác các nguồn sử liệu, từ đó tái hiện quá khứ, nhận thức lịch sử, đưa ra suy luận, đánh giá về bối cảnh, nguồn gốc, sự phát triển của sự kiện, quá trình lịch sử để tìm kiếm sự thật lịch sử một cách khoa học, xây dựng và phát triển những năng lực chuyên môn của môn Lịch sử.

Phương pháp dạy học lịch sử theo định hướng phát triển năng lực chú trọng đến vấn đề như: phát hiện và giải quyết vấn đề, làm việc theo nhóm, coi trọng việc sử dụng các phương tiện trực quan như: hiện vật lịch sử, tranh ảnh lịch sử, bản đồ, biểu đồ, sa bàn, mô hình, phim tài liệu lịch sử. Học sinh cần được trang bị phương pháp tự học, biết cách tìm tòi, khai thác các nguồn sử liệu, đồng thời biết cách phân tích sự kiện, quá trình lịch sử và tự mình rút ra những nhận xét, đánh giá, tạo cơ sở phát triển năng lực tự học lịch sử suốt đời và khả năng ứng dụng vào cuộc sống những hiểu biết về lịch sử, văn hoá, xã hội Việt Nam và thế giới. Thông qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng, giáo viên giúp học sinh trở thành “người đóng vai lịch sử” để khám phá lịch sử, vận dụng sáng tạo kiến thức vào các tình huống học tập và thực tiễn cuộc sống. Mở rộng không gian dạy học, không chỉ trong lớp học mà còn trên thực địa (di tích lịch sử và văn hoá), bảo tàng, khu triển lãm,...; tổ chức cho học sinh đi tham quan, dã ngoại, kết hợp các hoạt động dạy học trong lớp học với hoạt động trải nghiệm trên thực tế. Việc kết hợp các thành tựu của khoa học giáo dục hiện đại với việc sử dụng một cách tích cực các phương pháp của Sử học là chìa khoá thành công của quá trình dạy học lịch sử.

Giáo dục lịch sử là một hoạt động mang tính xã hội cao. Để nâng cao hiệu quả của hoạt động giáo dục lịch sử, cần chú trọng đến sự kết hợp giữa giáo dục lịch sử trong nhà trường với gia đình và xã hội. Sự phối hợp giữa ba môi trường giáo dục (nhà trường, gia đình, xã hội) là nền tảng quan trọng để hình thành năng lực chuyên môn Lịch sử. Trong đó, nhà trường xây dựng và phát triển kiến thức, kỹ năng cho học sinh; gia đình và xã hội tạo điều kiện để học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng lịch sử vào những tình huống thực tiễn của cuộc sống. Giáo viên là người chủ động thiết lập và duy trì mối liên hệ thường xuyên giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong công tác giáo dục lịch sử thông qua các mô hình phối hợp như: tổ chức hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, giáo dục chủ quyền biển đảo cho học sinh có sự tham gia của phụ huynh học sinh và các tổ chức xã hội, tổ chức các hoạt động “Cha mẹ lắng nghe con kể chuyện lịch sử”, “Cha mẹ cùng con khám phá lịch sử đất nước, lịch sử địa phương”,... Để thực hiện mục tiêu giáo dục của Chương trình môn Lịch sử, cần coi trọng và phối

hợp chặt chẽ giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và xã hội ngay từ cấp tiểu học đến các cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông ở những mức độ và hình thức khác nhau.

Đối với việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học lịch sử, Chương trình nhấn mạnh việc khuyến khích học sinh tự tìm đọc, thu thập tư liệu lịch sử trên mạng Internet, trong thư viện để thực hiện các nghiên cứu cá nhân hoặc theo nhóm, có khả năng trình bày, thảo luận kết quả nghiên cứu; xây dựng kỹ năng sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin để hỗ trợ cho việc tái hiện, tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử.

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

Cùng với việc đổi mới phương pháp giáo dục lịch sử theo hướng phát triển năng lực, việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được chuyển đổi theo hướng chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo tri thức lịch sử trong những tình huống ứng dụng, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức lịch sử, thuộc lòng và ghi nhớ máy móc làm trung tâm của việc đánh giá. Mục đích chủ yếu của đánh giá kết quả học tập là đối chiếu, so sánh năng lực học sinh đạt được với mức độ yêu cầu của chuẩn kiến thức và năng lực môn học Lịch sử ở từng chủ đề, từng cấp học, để từ đó có những biện pháp cải thiện kịp thời hoạt động dạy và hoạt động học để đạt được mục tiêu giáo dục. Để đánh giá năng lực, giáo viên cần lưu ý đến hình thức kiểm tra các mức độ đạt được của học sinh đối với các năng lực đặc thù của môn Lịch sử (năng lực nhận diện và hiểu văn bản lịch sử, năng lực tái hiện và trình bày lịch sử, năng lực giải thích lịch sử, năng lực đánh giá lịch sử và vận dụng vào thực tiễn).

Công tác kiểm tra, đánh giá đối với môn Lịch sử cần tuân thủ các nguyên tắc: phối hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, giữa đánh giá của giáo viên và tự đánh giá của học sinh. Thông qua kết quả kiểm tra, đánh giá, giáo viên có thể nắm được tình hình học tập, mức độ phân hoá về trình độ học lực của học sinh trong lớp, từ đó có biện pháp giúp đỡ học sinh chưa đạt chuẩn về kiến thức, năng lực, phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi, có năng khiếu về Lịch sử, đồng thời điều chỉnh, hoàn thiện phương pháp giáo dục Lịch sử.

Về hình thức kiểm tra, đánh giá, cần sử dụng phối hợp các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau đối với môn Lịch sử như: kết hợp giữa kiểm tra miệng, kiểm tra viết và bài tập thực hành; kết hợp giữa hình thức đánh giá bằng trắc

nghiệm khách quan và tự luận (đặc biệt đối với cấp trung học phổ thông) nhằm phát huy những ưu điểm của mỗi hình thức đánh giá.

Về nội dung kiểm, tra đánh giá, có thể sử dụng các câu hỏi, bài tập ở những mức độ khác nhau như: nhận biết (ghi nhớ, tái hiện quá khứ lịch sử trong các tình huống không thay đổi nhằm củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng cơ bản); thông hiểu (có khả năng tóm tắt, giải thích, lí giải các sự kiện, quá trình, nhân vật lịch sử...); vận dụng (so sánh, phân tích, tổng hợp các sự kiện, nhân vật lịch sử); vận dụng cao (đánh giá, vận dụng kiến thức lịch sử vào những tình huống thay đổi, kết nối lịch sử với hiện tại), tạo cơ hội phát triển năng lực tự chủ, sáng tạo của học sinh.

VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thời lượng thực hiện chương trình

Thời lượng cho mỗi lớp học là 105 tiết, dạy trong 35 tuần. Dự kiến thời lượng dành cho mỗi mạch nội dung được trình bày trong bảng dưới đây:

Thời lượng dành cho từng mạch nội dung (tỉ lệ %)

Mạch nội dung	Lớp/Tỉ lệ % (khoảng)	10	11	12
CHỦ ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP	– Lịch sử và Sử học	5		
	– Vai trò của Sử học	5		
LỊCH SỬ THẾ GIỚI	– Lịch sử văn minh thế giới	18		
	– Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản		10	
	– Chủ nghĩa xã hội: từ khoa học đến hiện thực		10	
	– Thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh			8

Lớp/Tỉ lệ % (khoảng)	10	11	12
Mạch nội dung			
– Nước Mỹ từ 1945 đến nay			5
– Trung Quốc từ 1949 đến nay			5
LỊCH SỬ ĐÔNG NAM Á			
– Lịch sử văn minh Đông Nam Á	12		
– Quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á		10	
– ASEAN: Những chặng đường lịch sử			7
– Biển Đông: Lịch sử và hiện đại			5
LỊCH SỬ VIỆT NAM			
– Lịch sử văn minh Việt Nam	30		
– Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và giải phóng trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945)		20	
– Làng xã Việt Nam: Từ truyền thống đến hiện đại		12	
– Cộng đồng các dân tộc Việt Nam: Lịch sử và hiện tại		8	
– Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay)			18
– Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam			14
– Quan hệ đối ngoại Việt Nam: Từ truyền thống đến hiện đại			8
ÔN TẬP, KIỂM TRA	15	15	15
THỰC HÀNH LỊCH SỬ	15	15	15
TỔNG SỐ	100	100	100

Số tiết dành cho các chuyên đề

Mạch nội dung	Lớp		
	10	11	12
CHUYÊN ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP – Các lĩnh vực của Sử học	10		
CHUYÊN ĐỀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ – Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam – Tìm hiểu nghệ thuật truyền thống Việt Nam – Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam	15	13	13
CHUYÊN ĐỀ NÂNG CAO KIẾN THỨC – Nhật Bản: Hành trình lịch sử từ năm 1868 đến nay – Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX – Nhân tài trong lịch sử Việt Nam – Tìm hiểu Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử – Toàn cầu hoá, khu vực hoá và sự hội nhập của Việt Nam	10	10 12	12 10
TỔNG SỐ	35	35	35

2. Thực hiện chương trình phù hợp với điều kiện thực tế và các đối tượng học sinh khác nhau

Việc vận dụng chương trình môn Lịch sử cần lưu ý đến các nhóm đối tượng học sinh khác nhau như: học sinh giỏi, khá, trung bình, dưới trung bình. Chương trình xác định chuẩn kiến thức, năng lực ở mức độ trung bình mà tất cả học sinh đều phải đạt được. Đối với học sinh khá, giỏi, chương trình có phần kiến thức và bài tập nâng cao để giáo viên hướng dẫn theo

nhóm đối tượng phù hợp; đặc biệt đối với học sinh có năng khiếu hoặc có nhu cầu học chuyên sâu về Lịch sử cần khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển năng lực chuyên biệt của học sinh.

Tuỳ theo nội dung của từng bài dạy, giáo viên áp dụng việc thực hiện phương pháp giáo dục theo nhóm đối tượng học sinh trong một số hoạt động học tập, cụ thể: giao câu hỏi, bài tập cho các nhóm khác nhau đồng thời duy trì những hoạt động chung của lớp để phát triển sự tương tác giữa các đối tượng học sinh trong quá trình giáo dục môn Lịch sử. Đối với học sinh ở các vùng sâu, vùng xa còn khó khăn về trường lớp và các điều kiện giáo dục, khi thực hiện chương trình phải đảm bảo được chuẩn kiến thức và năng lực chung trong điều kiện cụ thể của từng địa phương.

3. Thiết bị và đồ dùng dạy học

Việc sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy học là một trong những điều kiện quyết định thành công của việc đổi mới phương pháp dạy học Lịch sử theo định hướng phát triển năng lực. Việc chuyển đổi từ dạy học ở phòng học truyền thống sang phòng học bộ môn sẽ phát huy được vai trò tối ưu của thiết bị và đồ dùng dạy học trong dạy học Lịch sử. Tuy nhiên, trong điều kiện thực tế hiện nay, khi việc dạy học ở các phòng học truyền thống vẫn còn phổ biến ở nước ta, nhà trường và giáo viên tuỳ vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, có thể chuẩn bị một số thiết bị và đồ dùng trực quan trong dạy học Lịch sử như:

- Hệ thống bản đồ (bản đồ thế giới, bản đồ các châu lục, bản đồ Đông Nam Á và Việt Nam).
- Tranh ảnh lịch sử, sa bàn, sơ đồ, biểu đồ với sự hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật như máy tính, đèn chiếu, máy chiếu, tivi, radio, video, các loại băng đĩa,...

Việc sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Công nghệ thông tin là phương tiện dạy học hiện đại có tính tích hợp cao các chức năng của những phương tiện dạy học Lịch sử truyền thống như tranh ảnh, bản đồ, lược đồ, sơ đồ, niên biểu, đường thời gian, bảng so sánh,... Lịch sử là môn có hệ thống kiến thức thuộc về quá khứ, học sinh không thể trực tiếp quan sát các sự kiện lịch sử, do vậy, việc ứng dụng công nghệ thông tin sẽ hỗ trợ giáo viên trong quá trình dạy học, tái hiện lịch sử thông qua các phim tài liệu, nguồn sử liệu, hình ảnh, video. Việc khai thác và sử dụng các chức năng cơ bản của Internet, của các phần mềm (như ACD See, Photoshop, Flash, Windows Movie Maker, Ashampoo Slideshow Studio, Wondershare Photo Story, Proshow Gold...), đặc biệt là Microsoft Powerpoint, Adobe Presenter,... sẽ giúp giáo viên thiết kế giáo án điện tử, đưa vào bài giảng các hình ảnh, âm thanh, tư liệu lịch sử, nhằm nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử, truyền cảm hứng để học sinh yêu thích môn Lịch sử và phát triển năng lực sử học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

Tài liệu tiếng Việt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương khoá XI (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
2. Quốc hội khoá XI (2005), *Luật Giáo dục.*
3. Quốc hội khoá XII (2009), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục.*
4. Quốc hội khoá XIII (2014), *Nghị quyết số 88/2014/QH 13 về Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.*
5. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 1981/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.*
6. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 404/QĐ-TTg phê duyệt Khung cơ cấu giáo dục quốc dân.*
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử*, NXB Giáo dục, Hà Nội. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2012), *Kỷ yếu Hội thảo về giáo dục Lịch sử ở trường phổ thông*, Đà Nẵng 8/2012.

Tài liệu tiếng nước ngoài

1. California Teacher's Edition (2007). *The Modern World*. Pearson Prentice Hall, Boston, Massachusetts 02116, USA.
2. Canadian Curriculum (2013), *The Ontario Curriculum, Canadian and World Studies, Grade 9 and 10*, from <http://www.edu.gov.on.ca/eng/curriculum/secondary/canworld910curr2013.pdf>.
3. Canadian Curriculum (2015), *The Ontario Curriculum, Canadian and World Studies, Grade 11 and 12*, from <http://www.edu.gov.on.ca/eng/curriculum/secondary/2015cws11and12.pdf>.

4. Education Bureau of the Hong Kong Special Administrative Region (2015), *Curriculum Documents*, from [http://www.edb.gov.hk/attachment/en/curriculum-development/kla/pshe/10.Hist_C&A_Guide_e\(2015.9.25\)_edit_r_23%20Oct_r1.pdf](http://www.edb.gov.hk/attachment/en/curriculum-development/kla/pshe/10.Hist_C&A_Guide_e(2015.9.25)_edit_r_23%20Oct_r1.pdf)
5. National Center for History in the Schools, *About the National Standards for History*, from <http://www.nchs.ucla.edu>.
6. National Curriculum in England (2013), *History Programmes of Study*, from <https://www.gov.uk/government/publications/national-curriculum-in-england-history-programmes-of-study/national-curriculum-in-england-history-programmes-of-study>
7. Ministry Education Singapore (2014), *Lower Secondary History Teaching Syllabuses*, from <https://www.moe.gov.sg/docs/default-source/document/education/syllabuses/humanities/files/history-lower-secondary-2014.pdf>.
8. Ministry Education Singapore (2017), *Upper Secondary History Teaching Syllabuses*, from [https://www.moe.gov.sg/docs/default-source/document/education/syllabuses/humanities/files/2017-history-\(upper-secondary\)-syllabus.pdf](https://www.moe.gov.sg/docs/default-source/document/education/syllabuses/humanities/files/2017-history-(upper-secondary)-syllabus.pdf)